

TẬP BẢN ĐỒ

10

BÀI TẬP
VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ



LÊ HUỖNH, ĐẶNG DUY LỢI, NGUYỄN MINH TUỆ, NGUYỄN VIỆT THỊNH

TẬP BẢN ĐỒ

BÀI TẬP VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ 10

(Tái bản lần thứ năm có sửa chữa)

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn và xuất bản "Tập bản đồ bài tập và bài thực hành địa lí kinh tế - xã hội đại cương lớp 10". Qua thực tế giảng dạy và học tập, tài liệu này đã góp phần vào việc đổi mới phương pháp dạy học, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập môn địa lí.

Kế thừa những kết quả đã đạt được, dựa vào chương trình và sách giáo khoa, công ty tiếp tục giới thiệu với thầy cô giáo và các em học sinh "Tập bản đồ bài tập và bài thực hành địa lí lớp 10" này.

Nội dung Tập bản đồ bài tập và bài thực hành dùng cho lớp 10 được sắp xếp theo trình tự SGK Địa lí lớp 10 bao gồm hai ban: ban chuẩn; ban nâng cao. Các câu hỏi, bài tập đều được cân nhắc, lựa chọn kĩ. Thông qua quan sát, phân tích và làm việc với bản đồ, lược đồ sơ đồ, biểu đồ... học sinh sẽ có điều kiện nắm chắc kiến thức, kĩ năng của bài học.

Tập bản đồ bài tập và bài thực hành còn tạo điều kiện giúp giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, hướng dẫn học sinh học tập có chất lượng, cũng như có thể dùng để ôn bài cũ, củng cố bài mới, rèn luyện kĩ năng thực hành và kiểm tra bài.

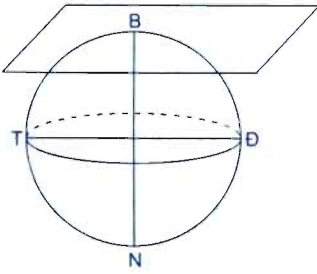
Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo và các em học sinh để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Các tác giả

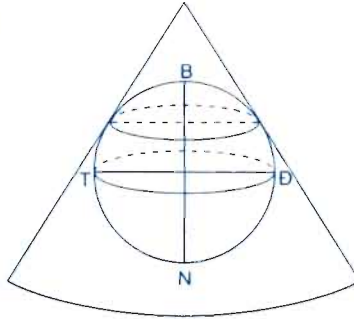
CÁC PHÉP CHIẾU HÌNH BẢN ĐỒ CƠ BẢN

(Bài 1 ban chuẩn; Bài 1 ban nâng cao)

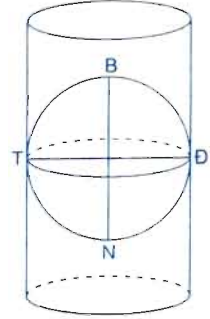
1. Hãy nêu tên và đặc điểm của các phép chiếu hình bản đồ theo các hình dưới đây:



Hình A



Hình B



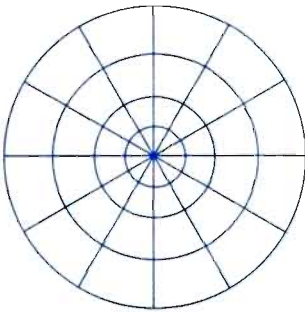
Hình C

Hình A:

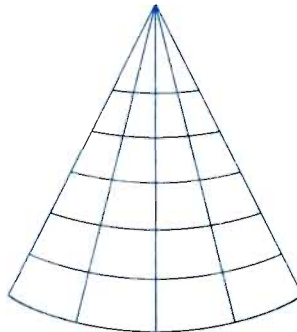
Hình B:

Hình C:

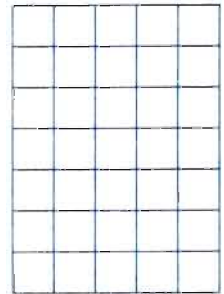
2. Căn cứ vào hình dạng của mạng lưới kinh tuyến và vĩ tuyến (lưới chiếu) ở các hình dưới đây, em hãy xác định tên của các phép chiếu hình bản đồ. Nêu đặc điểm của mạng lưới kinh tuyến và vĩ tuyến của các phép chiếu hình đó:



Hình A



Hình B



Hình C

Hình A:

Hình B:

Hình C:

3. Hãy nêu sự khác nhau về cơ sở chiếu và đặc điểm của mạng lưới kinh, vĩ tuyến theo 3 phép chiếu: phương vị đứng, phương vị ngang và phương vị nghiêng. (Dùng cho chương trình nâng cao)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Trong các phép chiếu phương vị đứng, hình trụ đứng và hình nón đứng thì khu vực nào của Địa cầu chính xác và khu vực nào kém chính xác? Các phép chiếu này thường được dùng để vẽ bản đồ các khu vực nào, các nước có hình dạng như thế nào?

.....

.....

.....

.....

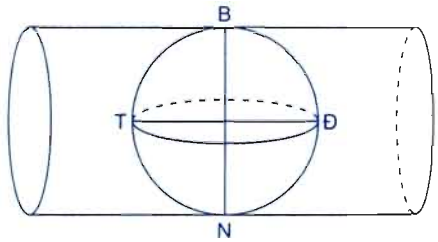
.....

.....

.....

.....

5. Trong phép chiếu hình trụ ngang dưới đây, em hãy cho biết hình trụ tiếp xúc với đường kinh tuyến hay đường vĩ tuyến? Trong phép chiếu này đường kinh tuyến nào là chính xác? Để vẽ lãnh thổ Việt Nam phân đất liền nếu dùng phép chiếu này có tốt không? Tại sao? (Dùng cho chương trình nâng cao)



.....

.....

.....

.....

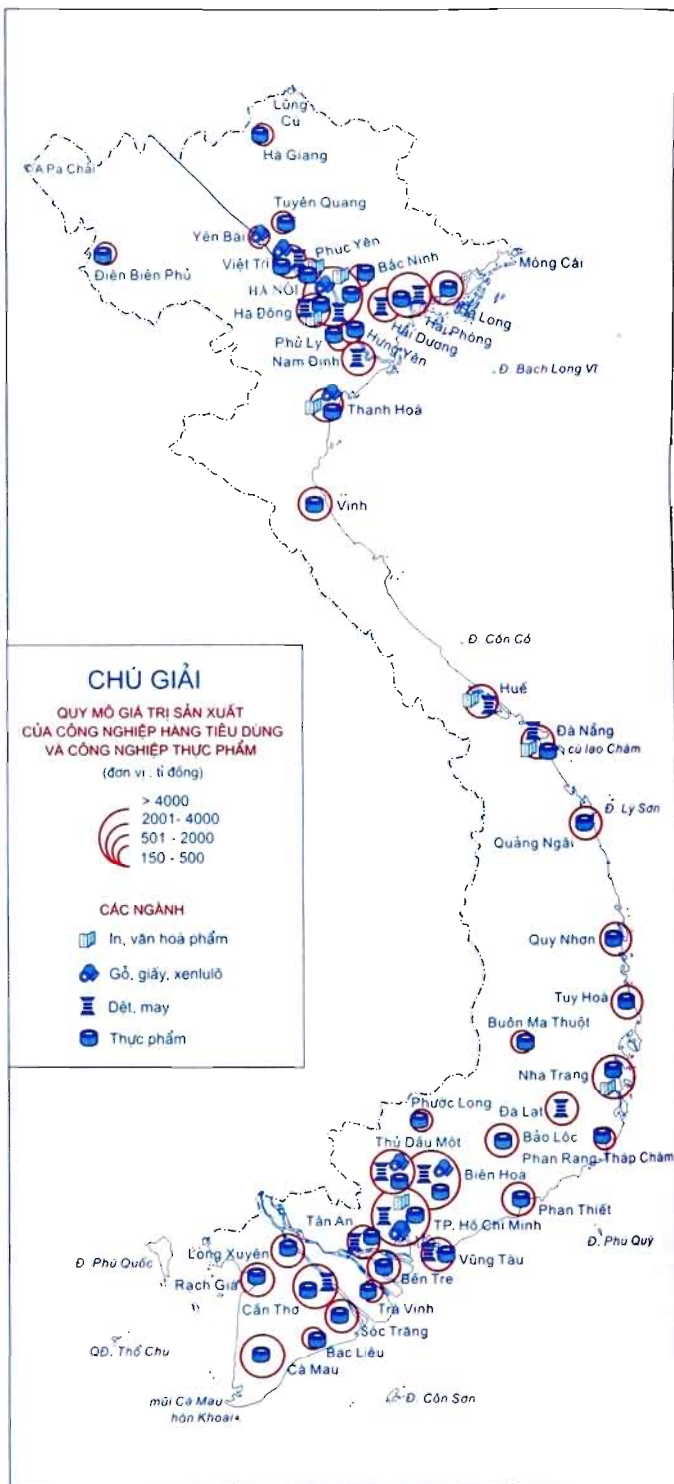
.....

.....

.....

.....

❖ Phương pháp này có khả năng điều biến về đặc tính số lượng (quy mô) của các trung tâm và các điểm công nghiệp được không? Nếu có thì biểu hiện bằng hình thức nào? (Dùng cho chương trình nâng cao).



❖ Biểu hiện các ngành công nghiệp bằng các loại hình kí hiệu nào?

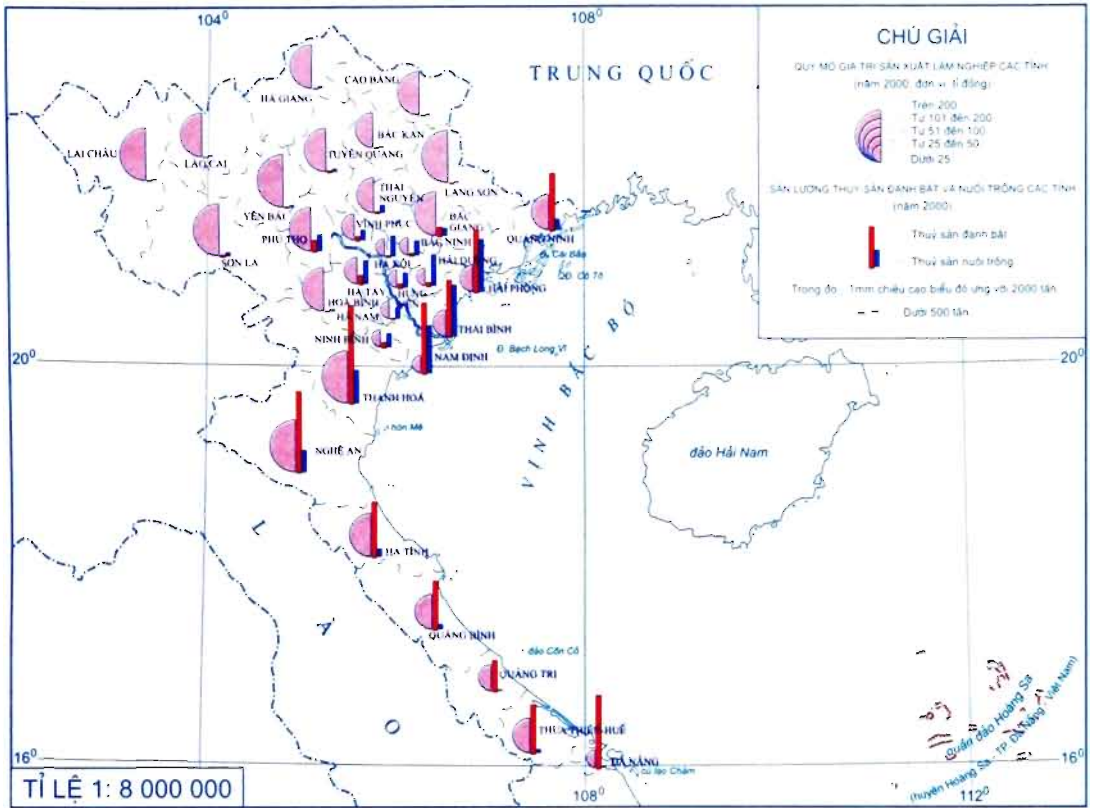
Lược đồ Công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm

THỰC HÀNH:

XÁC ĐỊNH MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP BIỂU HIỆN CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ TRÊN BẢN ĐỒ

(Bài 4 ban chuẩn; Bài 4 ban nâng cao)

Quan sát và tìm hiểu kỹ lược đồ dưới đây, em hãy cho biết:



Lược đồ Lâm nghiệp và thủy sản một số tỉnh nước ta

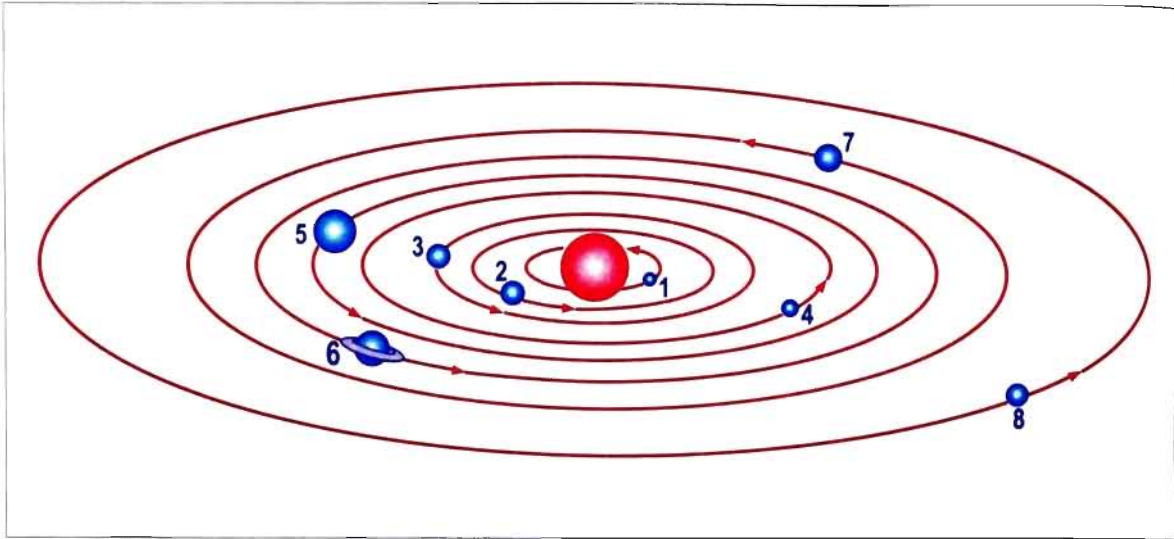
❖ Quy mô giá trị sản xuất lâm nghiệp của các tỉnh được biểu hiện bằng phương pháp gì?

❖ Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng của các tỉnh được thể hiện bằng phương pháp gì?

❖ Hãy tính giá trị sản xuất lâm nghiệp, sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng của các tỉnh (dùng cho chương trình nâng cao):

VŨ TRỤ. HỆ MẶT TRỜI VÀ TRÁI ĐẤT
HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT
 (Bài 5 ban chuẩn; Bài 5 và bài 6 ban nâng cao)

1. Dựa vào hình vẽ dưới đây, em hãy điền nội dung thích hợp vào chỗ chấm (...) ở những ý sau:



Các hành tinh trong hệ Mặt Trời và quỹ đạo chuyển động của chúng

(Theo Quyết định ngày 24-8-2006 của Hiệp hội Thiên văn quốc tế tại hội nghị Pra-ha, Cộng hòa Séc)

- Hệ Mặt Trời có hành tinh chuyển động xung quanh Mặt Trời.

- Tên các hành tinh trong hệ Mặt Trời theo thứ tự xa dần Mặt Trời là:

- | | | |
|---------|---------|---------|
| 1. | 4. | 7. |
| 2. | 5. | 8. |
| 3. | 6. | |

2. Dựa vào hình 5.3 của SGK ban chuẩn và hình 6.1 SGK ban nâng cao, em hãy cho biết: Thời điểm ở Hà Nội là 7 giờ sáng ngày 1 tháng 1 thì ở Bắc Kinh là giờ, ngày; ở Luân Đôn là giờ, ngày; ở Oasinton là giờ, ngày

3. Hãy xác định kiến thức dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu x vào ô trống:

"Do tác động của lực Côriôlit, ở bán cầu Bắc, vật chuyển động theo phương nằm ngang bị lệch về bên trái theo hướng chuyển động".

Đúng

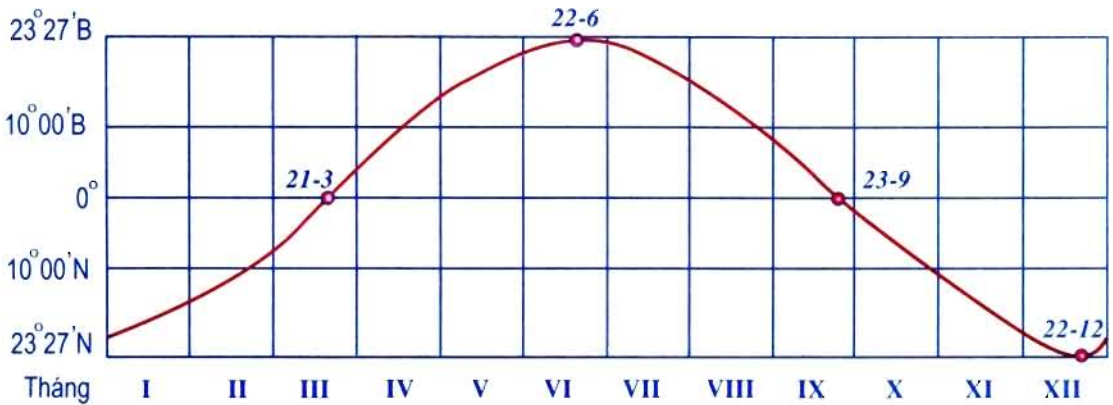
Sai

HỆ QUẢ CHUYỂN ĐỘNG XUNG QUANH MẶT TRỜI CỦA TRÁI ĐẤT

(Bài 6 ban chuẩn; Bài 6 ban nâng cao)

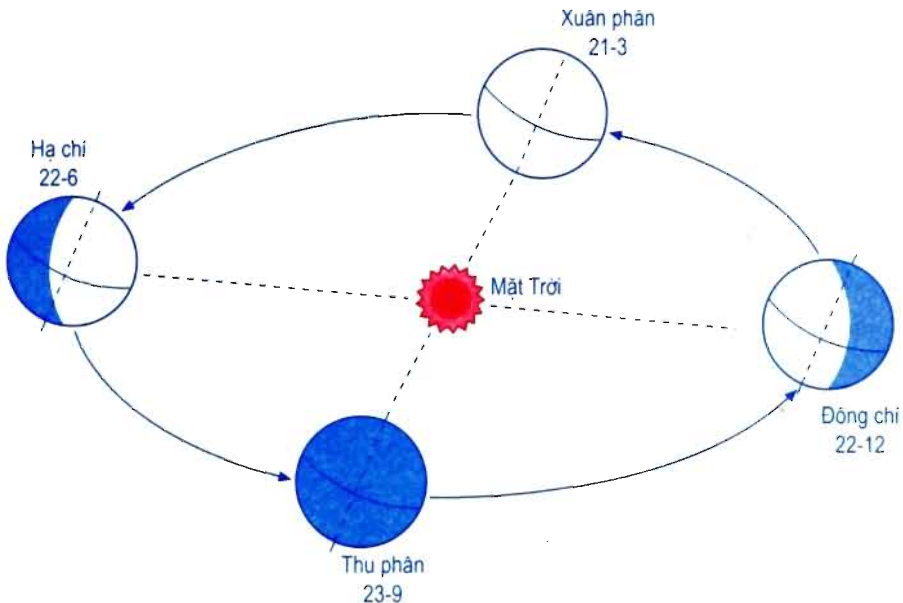
1. Dựa vào đường chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong một năm ở hình dưới đây, em hãy điền nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) trong câu dưới đây:

Ở 10°B Mặt Trời lên thiên đỉnh lần thứ nhất vào khoảng ngày và lên thiên đỉnh lần thứ hai vào khoảng ngày; còn ở 10°N Mặt Trời lên thiên đỉnh lần thứ nhất vào khoảng ngày và lên thiên đỉnh lần thứ hai vào khoảng ngày



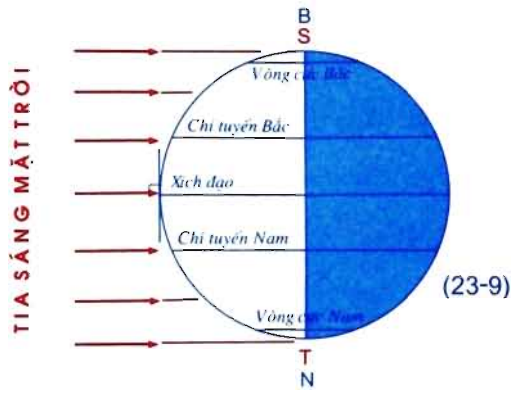
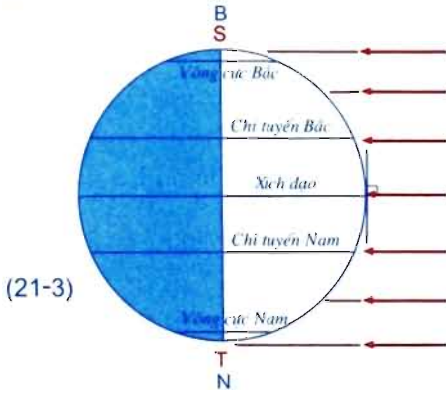
Đường chuyển động biểu kiến của Mặt Trời trong một năm

2. Dựa vào sơ đồ sau, em hãy xác định bốn ngày mở đầu của bốn mùa ở các nước miền ôn đới bán cầu Nam:



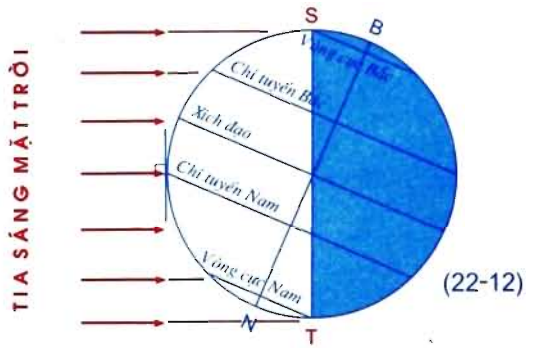
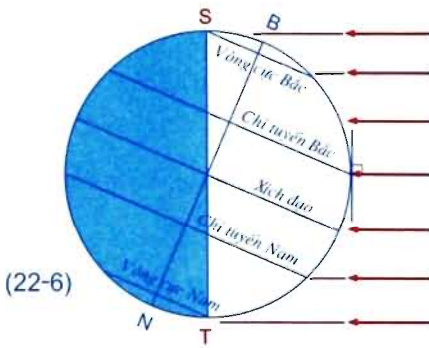
Mùa xuân	ngày	Mùa thu	ngày
Mùa hạ	ngày	Mùa đông	ngày

3. Sơ đồ sau là vị trí của Trái Đất vào ngày Xuân phân (21-3) và ngày Thu phân (23-9). Em có nhận xét gì về độ dài ban ngày và ban đêm ở tất cả các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất:



.....

4. Sơ đồ sau là vị trí của Trái Đất vào ngày Hạ chí (22-6) và ngày Đông chí (22-12). Em có nhận xét gì về độ dài ban ngày và ban đêm ở tất cả các vĩ độ khác nhau trên Trái Đất:



Ngày Hạ chí (22-6):

- + Ở xích đạo
-
- + Ở chí tuyến Bắc
-
- + Từ vòng cực Bắc tới Bắc Cực
-
- + Ở chí tuyến Nam
-
- + Từ vòng cực Nam tới Nam Cực
-

Ngày Đông chí (22-12):

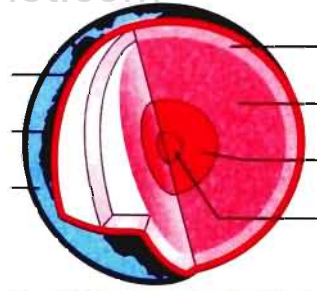
- + Ở xích đạo
-
- + Ở chí tuyến Bắc
-
- + Từ vòng cực Bắc tới Bắc Cực
-
- + Ở chí tuyến Nam
-
- + Từ vòng cực Nam tới Nam Cực
-

CẤU TRÚC CỦA TRÁI ĐẤT. THẠCH QUYỂN. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

(Bài 7 ban chuẩn; Bài 8,9 ban nâng cao)

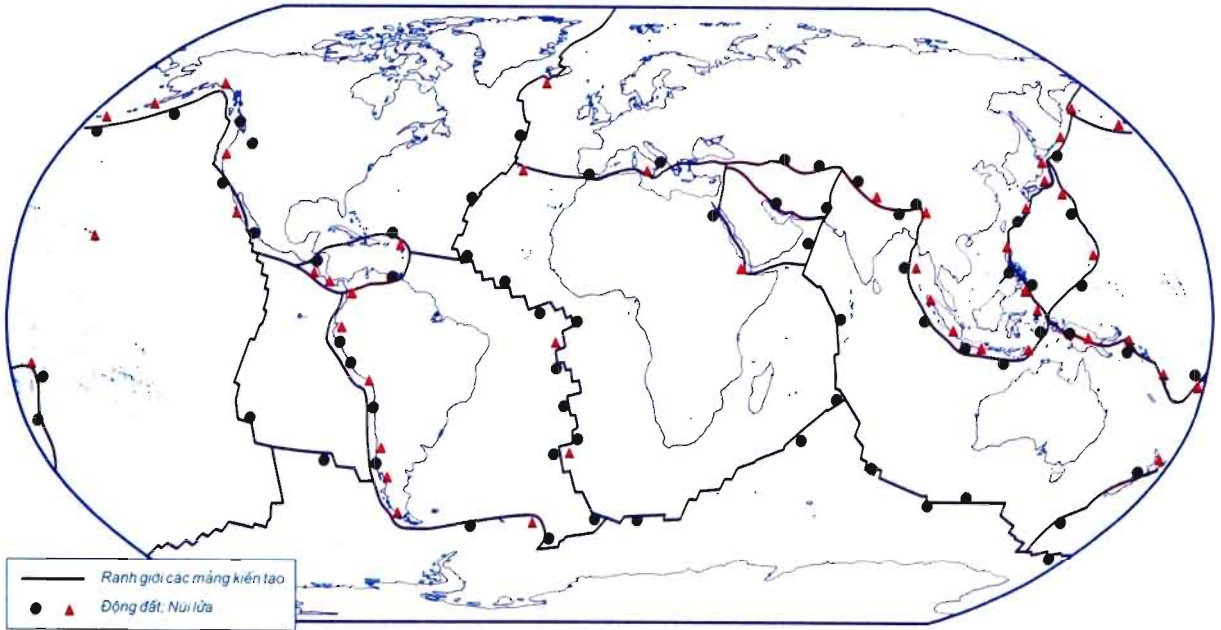
www.truongbachviet.com

1. Dựa vào hình 7.1 ban chuẩn hoặc hình 8.2 ban nâng cao, kết hợp với những kiến thức đã học, em hãy điền tên các lớp và các bộ phận của từng lớp cấu trúc của Trái Đất vào sơ đồ bên.



Sơ đồ Cấu trúc của Trái Đất

2. Dựa vào nội dung thuyết Kiến tạo mảng và những kiến thức đã học, em hãy xác định và điền tên các mảng kiến tạo lớn vào lược đồ dưới đây.



Lược đồ Các mảng kiến tạo, động đất và núi lửa

3. Dựa vào hình 7.3 ban chuẩn hoặc hình 9.1 ban nâng cao và bản đồ treo tường "Các mảng kiến tạo, các vành đai động đất và núi lửa" em hãy vẽ kí hiệu mũi tên lên lược đồ trên để mô tả:

❖ Những nơi đã diễn ra tiếp xúc tách dần là

❖ Những nơi đã diễn ra tiếp xúc dồn ép là

4. Em hãy đánh dấu x vào ô trống, phương án trả lời đúng trong những câu sau:

Các hoạt động động đất, núi lửa thường hay xảy ra ở:

- Trung tâm của các mảng kiến tạo
- Rìa của các mảng kiến tạo
- Những vùng tiếp xúc của các mảng kiến tạo

TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

(Bài 8 ban chuẩn; Bài 10 ban nâng cao)

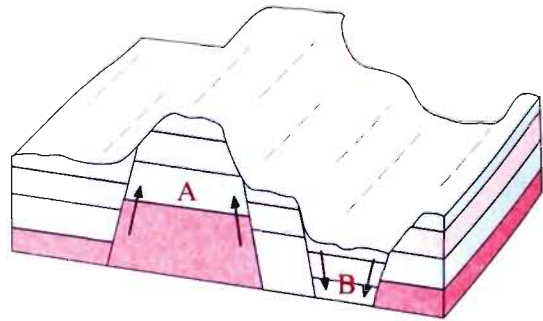
1. Quan sát kĩ hình 8.2 ban chuẩn hoặc hình 10.1 ban nâng cao và dựa vào những kiến thức đã học, em hãy đánh dấu x vào ô trống, phương án trả lời đúng trong những câu sau:

Nếp uốn của núi được hình thành do:

- Lực bị nén ép theo phương nằm ngang
- Vận động nâng lên, hạ xuống (theo chiều thẳng đứng) của vỏ Trái Đất

2. Quan sát hình 8.3 ban chuẩn hoặc hình 10.4 ban nâng cao và dựa vào những kiến thức đã học, em hãy cho biết:

❖ Vị trí A ở hình bên là:



❖ Vị trí B ở hình bên là:

3. Quan sát hình 8.4, hình 8.5 ban chuẩn hoặc hình 10.5 ban nâng cao và dựa vào những kiến thức đã học, em hãy xác định trên lược đồ dưới đây đã xảy ra hiện tượng địa lí gì?



TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT
(Bài 9 ban chuẩn; Bài 11 ban nâng cao)

1. Em hãy tìm hiểu bảng sau:

Các quá trình	Định nghĩa
A. Phong hoá	a - Là quá trình tích tụ (tích lũy) các vật liệu phá huỷ
B. Bóc mòn	b - Là quá trình di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác
C. Vận chuyển	c - Là quá trình phá huỷ và làm biến đổi các loại đá do tác động của sự thay đổi nhiệt độ, của nước, ôxi, khí cacbonic, các loại axit có trong thiên nhiên và sinh vật
D. Bồi tụ	d - Là quá trình các tác nhân ngoại lực (nước chảy, sóng biển, băng hà, gió ...) làm chuyển dời các sản phẩm phong hoá khỏi vị trí ban đầu vốn có của nó

Từ các quá trình A, B, C, D hãy sắp xếp các định nghĩa tương ứng là một trong các chữ a, b, c, d cho thích hợp vào các câu dưới đây.

❖ A. Phong hoá

❖ B. Bóc mòn

❖ C. Vận chuyển

❖ D. Bồi tụ

2. Đánh dấu x vào ô trống, ý em cho là đúng trong các sơ đồ sau:

Phong hoá → Vận chuyển → Bồi tụ → Bóc mòn

Phong hoá → Bóc mòn → Vận chuyển → Bồi tụ

Bóc mòn → Bồi tụ → Vận chuyển → Phong hoá

Bóc mòn → Vận chuyển → Bồi tụ → Phong hoá

THỰC HÀNH: NHẬN XÉT VỀ SỰ PHÂN BỐ
CÁC VÀNH ĐAI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA VÀ CÁC VÙNG NÚI TRÈ TRÊN BẢN ĐỒ
(Bài 10 ban chuẩn; Bài 12 ban nâng cao)

1. Em hãy quan sát và tìm hiểu kĩ nội dung bản đồ treo tường "Các mảng kiến tạo, các vành đai động đất và núi lửa" từ đó nêu nhận xét về sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ trên thế giới

2. Dựa vào hình 7.3 và hình 10 ban chuẩn hoặc hình 9.1 và hình 12 ban nâng cao kết hợp với những kiến thức đã học, em hãy:

❖ Giải thích vì sao khu vực ven bờ tây Thái Bình Dương từ bán đảo Camsatca đến Nhật Bản, Philippin, Indônêxia hay xảy ra động đất và núi lửa

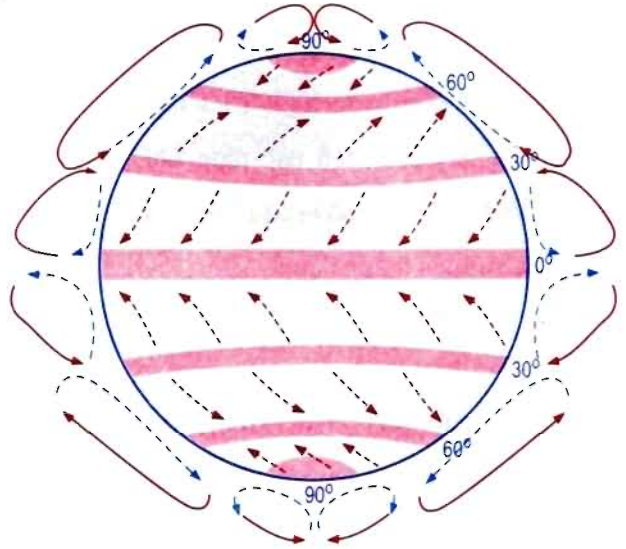
❖ Nêu rõ nguồn gốc hình thành dãy núi ngầm khổng lồ giữa Đại Tây Dương

❖ Cho biết do đâu tạo nên các dãy núi trẻ Coocdie, Andet, Himalaya

SỰ PHÂN BỐ KHÍ ÁP. MỘT SỐ LOẠI GIÓ CHÍNH

(Bài 12 ban chuẩn; Bài 15 ban nâng cao)

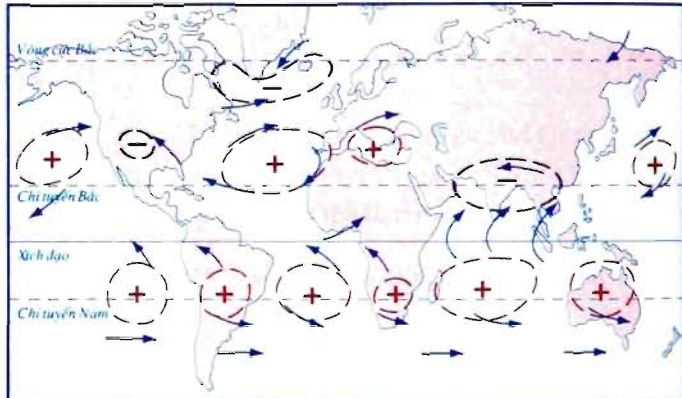
1. Dựa vào kiến thức đã học và quan sát các hình 12.1 ban chuẩn hoặc 15.1 ban nâng cao, em hãy điền vào sơ đồ bên:



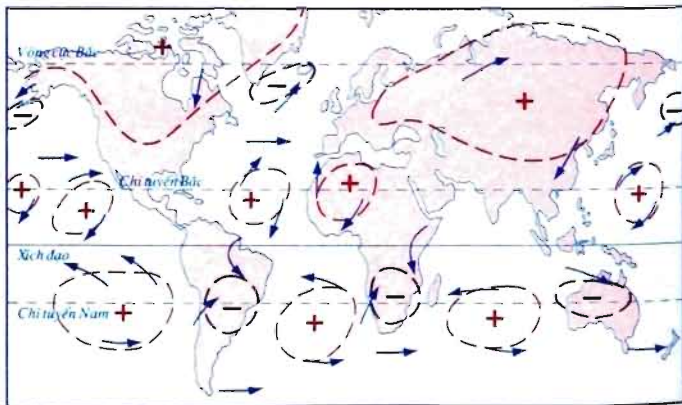
Sơ đồ Các đai khí áp và gió trên Trái Đất

2. Quan sát các hình 12.2, hình 12.3 ban chuẩn hoặc hình 15.2, hình 15.3 ban nâng cao, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở các câu dưới đây ý đúng sao cho thích hợp:

❖ Hình bên là **Lược đồ khí áp và gió trung bình tháng** tiêu biểu cho mùa ở bán cầu Bắc



❖ Hình bên là **Lược đồ khí áp và gió trung bình tháng** tiêu biểu cho mùa ở bán cầu Bắc



3. Em hãy giải thích vì sao có sự phân bố của khí áp và gió như vậy

.....

.....

.....

.....

NGŨNG ĐỘNG HƠI NƯỚC TRONG KHÍ QUYỂN. MƯA

(Bài 13 ban chuẩn; Bài 16, 17 ban nâng cao)

1. Hãy đánh dấu x vào ô trống, phương án trả lời đúng trong những câu sau:

- Sự ngưng đọng hơi nước diễn ra trong toàn bộ bề dày của khí quyển.
- Sự ngưng đọng hơi nước diễn ra trong toàn bộ tầng đối lưu.
- Sự ngưng đọng hơi nước chủ yếu diễn ra ở lớp không khí gần mặt đất trong tầng đối lưu.

2. Dựa vào những kiến thức đã học, em hãy giải thích vì sao mỗi khi có bão hoặc có gió mùa thổi về lại gây ra mưa?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Em hãy sưu tầm các tư liệu về lượng mưa trên Trái Đất và kết hợp với những kiến thức đã học để mô tả và xác định được trên bản đồ.

❖ Nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất trên Trái Đất là nằm ở

.....

.....

❖ Nơi có lượng mưa trung bình năm nhỏ nhất trên Trái Đất là nằm ở

.....

.....

4. Dựa vào những kiến thức đã học, em hãy giải thích:

❖ Nơi có lượng mưa trung bình năm lớn nhất trên Trái Đất chủ yếu là do

.....

.....

❖ Nơi có lượng mưa trung bình năm nhỏ nhất trên Trái Đất chủ yếu là do

.....

.....

THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ SỰ PHÂN HÓA CÁC ĐỚI VÀ KIỂU KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT. PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ MỘT SỐ KIỂU KHÍ HẬU
(Bài 14 ban chuẩn; Bài 18 ban nâng cao)

1. Dựa vào lược đồ Các đới khí hậu trên Trái Đất trong hình 14.1 SGK ban chuẩn hoặc hình 18.1 SGK ban nâng cao, em hãy cho biết:

❖ Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu? Kể tên các đới khí hậu đó:

❖ Tên các kiểu khí hậu ở các đới khí hậu sau:

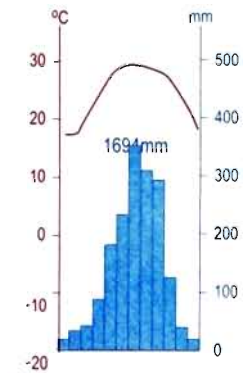
- Nhiệt đới:

- Cận nhiệt đới:

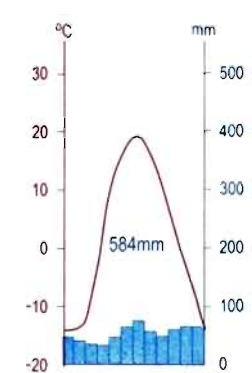
- Ôn đới:

❖ Nhận xét sự phân hóa khác nhau giữa đới khí hậu ôn đới và đới khí hậu nhiệt đới:

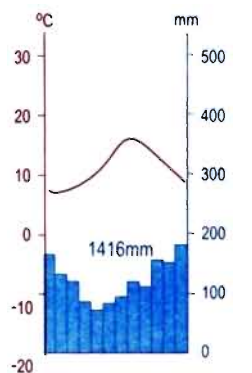
2. Căn cứ vào các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa A, B, C, D dưới đây, em hãy xác định chúng tiêu biểu cho kiểu khí hậu nào:



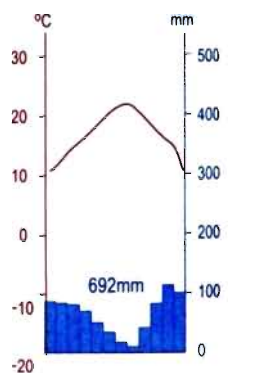
A:



B:



C:



D:

3. Em hãy cho biết khí hậu Việt Nam thuộc kiểu khí hậu và đới khí hậu nào?

**THUY QUYỀN. MỘT SỐ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI CHẾ ĐỘ NƯỚC SÔNG.
MỘT SỐ SÔNG LỚN TRÊN TRÁI ĐẤT**

(Bài 15 ban chuẩn; Bài 19 và 20 ban nâng cao)

1. Dựa vào sơ đồ "Tuần hoàn của nước" trong hình 15 SGK ban chuẩn hoặc hình 19.1 SGK ban nâng cao, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

❖ Thủy quyền có tác động gì đối với khí quyển nói chung và với khí hậu Trái Đất nói riêng? ..

.....

.....

.....

.....

❖ Thủy quyền có tác động gì đối với thạch quyển nói chung và với địa hình bề mặt Trái Đất nói riêng? ..

.....

.....

.....

.....

2. Trong số các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông thì nhân tố nào có ảnh hưởng trực tiếp và rõ rệt nhất? ..

.....

.....

.....

.....

3. Ở nước ta cũng như các nơi khác trên Trái Đất mùa lũ thường đến chậm hơn mùa mưa khoảng 1 tháng. Em hãy giải thích vì sao có tình trạng đó? ..

.....

.....

.....

.....

.....

4. Em hãy sưu tầm các tư liệu để mô tả ngắn gọn về sông Mê Công:

.....

.....

.....

.....

SÓNG - THỦY TRIỀU - DÒNG BIỂN

(Bài 16 ban chuẩn; Bài 22 ban nâng cao)

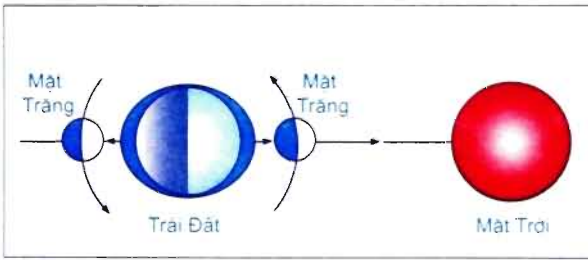
www.tiengbachviet.com

1. Dựa vào nội dung SGK, hãy điền nội dung phù hợp vào chỗ chấm (...) ở câu dưới đây:

- ❖ Trên mặt biển và đại dương luôn luôn có sóng vì:
- ❖ Sự khác biệt cơ bản giữa các loại sóng biển:

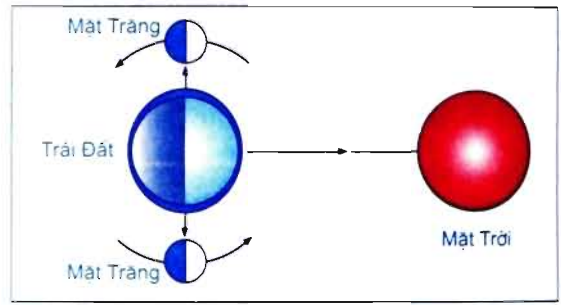
Loại sóng biển	Sóng gió	Sóng thần
Các yếu tố		
Nguyên nhân hình thành
Đặc điểm
Sức tàn phá

2. Từ hai sơ đồ A và B dưới đây, em hãy xác định sơ đồ nào thể hiện ngày triều cường và sơ đồ nào thể hiện ngày triều kém:



A

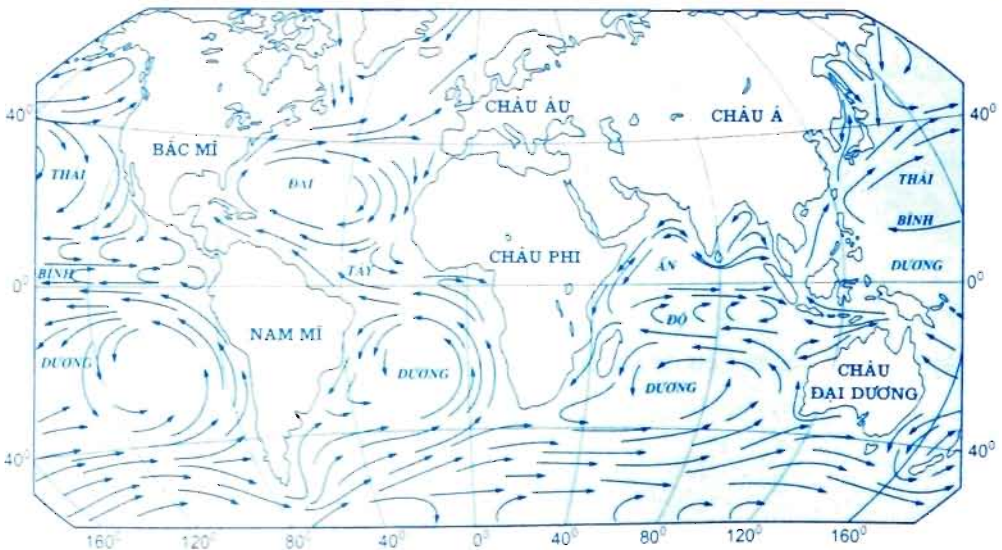
Ngày triều cường: Sơ đồ



B

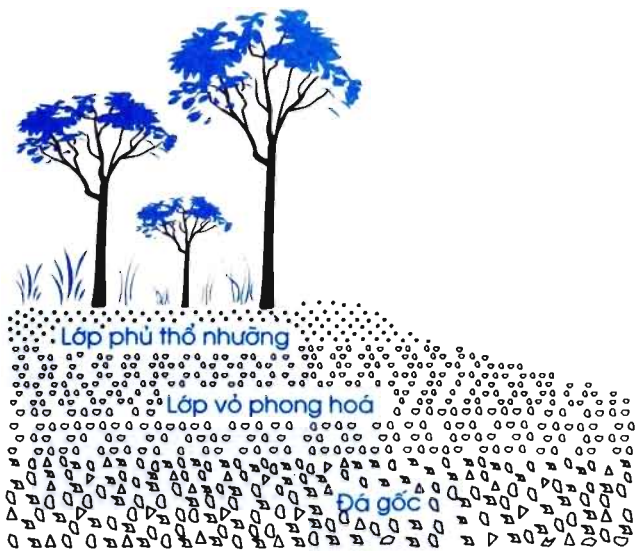
Ngày triều kém: Sơ đồ

3. Dựa vào lược đồ Các dòng biển trên thế giới trong hình 16.4 SGK ban chuẩn hoặc hình 22.4 SGK ban nâng cao, em hãy dùng bút màu đỏ để tô lên các dòng biển nóng ở hình dưới đây:



Lược đồ Các dòng biển trên thế giới

1. Dựa vào hình bên, em hãy cho biết ở Tây Nguyên có đá gốc là đá badan thì lớp phủ thổ nhưỡng sẽ được hình thành là đất gì? Hãy đánh dấu x vào ô trống ý em cho là đúng:



- Đất đá vôi
- Đất phù sa
- Đất đỏ badan

Vị trí lớp phủ thổ nhưỡng

2. Lớp phủ thổ nhưỡng sau khi được hình thành bị thoái hoá trở nên xấu đi, thậm chí bị mất đi, theo em do những nguyên nhân nào?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Muốn giữ được lớp phủ thổ nhưỡng, đồng thời làm cho đất ngày càng tốt hơn, theo em cần có những biện pháp gì?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

1. Dựa vào hình 19.1 và hình 19.2 trong SGK ban chuẩn hoặc hình 26.1 và hình 26.2 ban nâng cao, em hãy xác định phạm vi phân bố của các nhóm đất chính ở vùng nhiệt đới tương ứng với các kiểu thảm thực vật chính ở đây:

2. Dựa vào hình 19.11 trong SGK ban chuẩn hoặc hình 26.11 ban nâng cao và các kiến thức đã học, em hãy xác định tên các vành đai thực vật tương ứng với vành đai đất theo sơ đồ dưới đây:



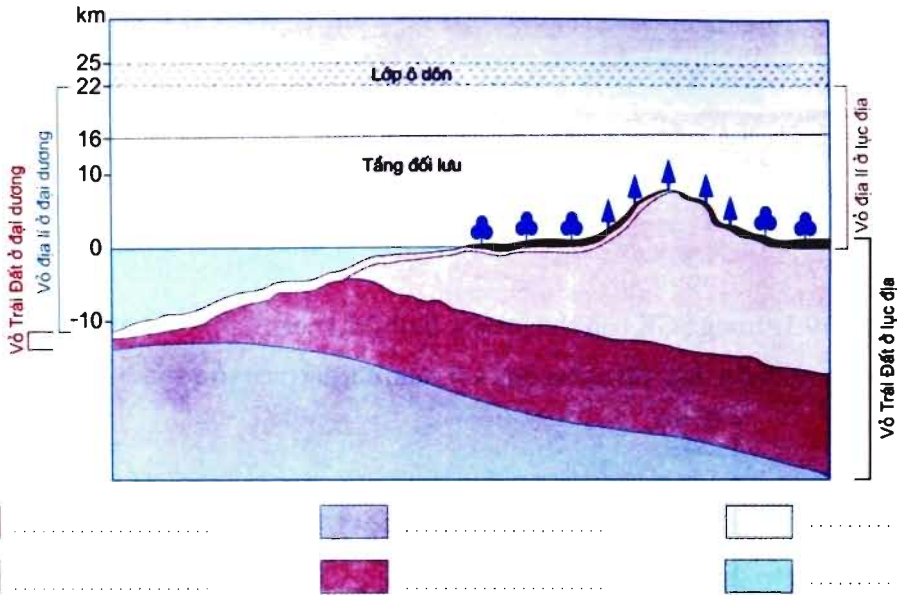
Sơ đồ các vành đai thực vật và đất ở sườn Tây dãy Capca

3. Vì sao việc trồng và bảo vệ rừng lại là một nhiệm vụ quan trọng cấp bách ở nước ta và ở nhiều nước trên thế giới?

LỚP VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA LỚP VỎ ĐỊA LÍ

(Bài 20 ban chuẩn; Bài 28 ban nâng cao)

1. Dựa vào nội dung bài học trong SGK, em hãy điền chú giải vào chỗ chấm (...) của hình dưới đây để thuyết minh cho sơ đồ lớp vỏ địa lí của Trái Đất.



Sơ đồ Lớp vỏ địa lí của Trái Đất

2. Nguyên nhân cơ bản của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là gì ?

3. Vì sao con người phải nghiên cứu kỹ và toàn diện điều kiện địa lí của bất kì lãnh thổ nào trước khi sử dụng chúng?

4. Trong trường hợp con người cần xây dựng một đập nước ở trên sông để làm nhà máy thủy điện, theo em cần phải chú ý đến những vấn đề gì ?

QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI VÀ QUY LUẬT PHI ĐỊA ĐỚI

(Bài 21 ban chuẩn; Bài 29 ban nâng cao)

1. Sau khi quan sát các hình trong SGK: hình 14.1 và hình 19.1 ban chuẩn hoặc hình 18.1 và hình 26.1 ban nâng cao, em hãy tìm những nét tương đồng về sự phân bố của các đới khí hậu và các kiểu thảm thực vật trên Trái Đất.

❖ Những nơi thể hiện rõ quy luật địa đới:

.....

.....

.....

❖ Những nơi thể hiện rõ quy luật phi địa đới:

.....

.....

.....

.....

2. Quy luật phi địa đới thường được thể hiện rõ ở đâu và do nguyên nhân gì chi phối?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Mối quan hệ giữa quy luật địa đới và quy luật phi địa đới thể hiện và diễn ra như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

DÂN SỐ VÀ SỰ GIA TĂNG DÂN SỐ

(Bài 22 ban chuẩn; Bài 30 ban nâng cao) www.truongbachviet.com

1. Dựa vào bảng số liệu “Sự gia tăng dân số qua các thời kì” dưới đây:

Năm	1500	1804	1927	1959	1974	1987	1999	2009	2025 (dự báo)
Số dân (tỉ người)	0,5	1	2	3	4	5	6	6,81	8,1

❖ Em hãy cho biết:

- Khoảng thời gian dân số tăng thêm 1 tỉ người:.....
- Khoảng thời gian dân số tăng gấp đôi:.....

❖ Nhận xét về sự phát triển dân số thế giới trong thời gian nêu trên:.....

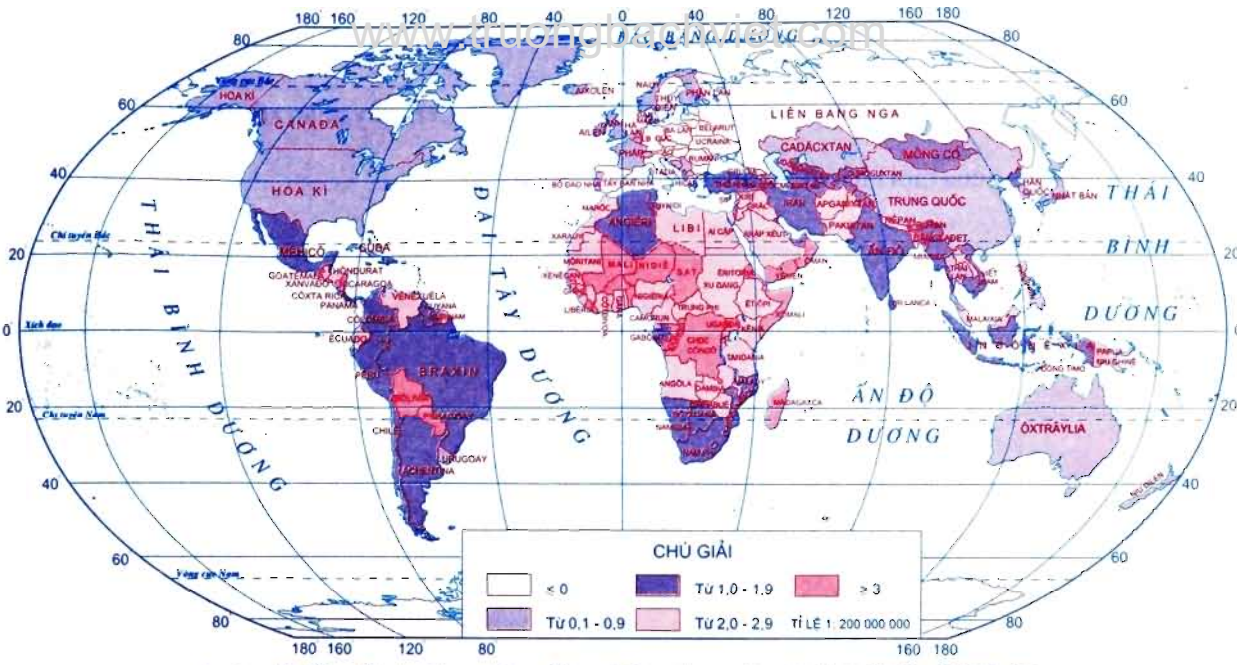
2. Dựa vào hình 22.1 và 22.2 ban chuẩn hoặc hình 30.1 và 30.2 ban nâng cao, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở bảng dưới đây những nội dung phù hợp thể hiện tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô của thế giới, các nước phát triển và các nước đang phát triển.

	Tỉ suất sinh thô			Tỉ suất tử thô		
	1950 - 1955	1985 - 1990	2004 - 2005	1950 - 1955	1985 - 1990	2004 - 2005
Thế giới						
Các nước phát triển						
Các nước đang phát triển						

3. Dựa vào bảng số liệu và kiến thức đã học, hãy nêu nhận xét giữa hai nhóm nước: các nước phát triển và các nước đang phát triển thời kì 1950 - 2005 về:

❖ Tỉ suất sinh thô hàng năm:.....

❖ Tỉ suất tử thô hàng năm:.....



Lược đồ Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên hàng năm thời kì 2000 - 2005 (%)

4. Dựa vào lược đồ “Tỷ suất gia tăng dân số tự nhiên hàng năm thời kì 2000 - 2005 (%)”, em hãy xác định một số nước có mức gia tăng dân số khác nhau và điền vào chỗ chấm (...) ở bảng dưới đây:

Các nước có gia tăng dân số tự nhiên là 0 và âm	Các nước có gia tăng dân số tự nhiên chậm (<0,9%)	Các nước có gia tăng dân số tự nhiên nhanh (>2%)
.....
.....
.....
.....

5. Em hãy nêu những hậu quả của gia tăng dân số không hợp lí:

❖ Gia tăng quá nhanh:

.....

.....

.....

❖ Gia tăng âm và bằng 0:

.....

.....

.....

CƠ CẤU DÂN SỐ

(Bài 23 ban chuẩn; Bài 31 ban nâng cao) www.truongbachviet.com

1. Dựa vào hình 23.1 ban chuẩn hoặc hình 31.1 ban nâng cao, em hãy nhận xét theo dàn ý sau:

❖ Hình dạng của mỗi kiểu tháp dân số:.....

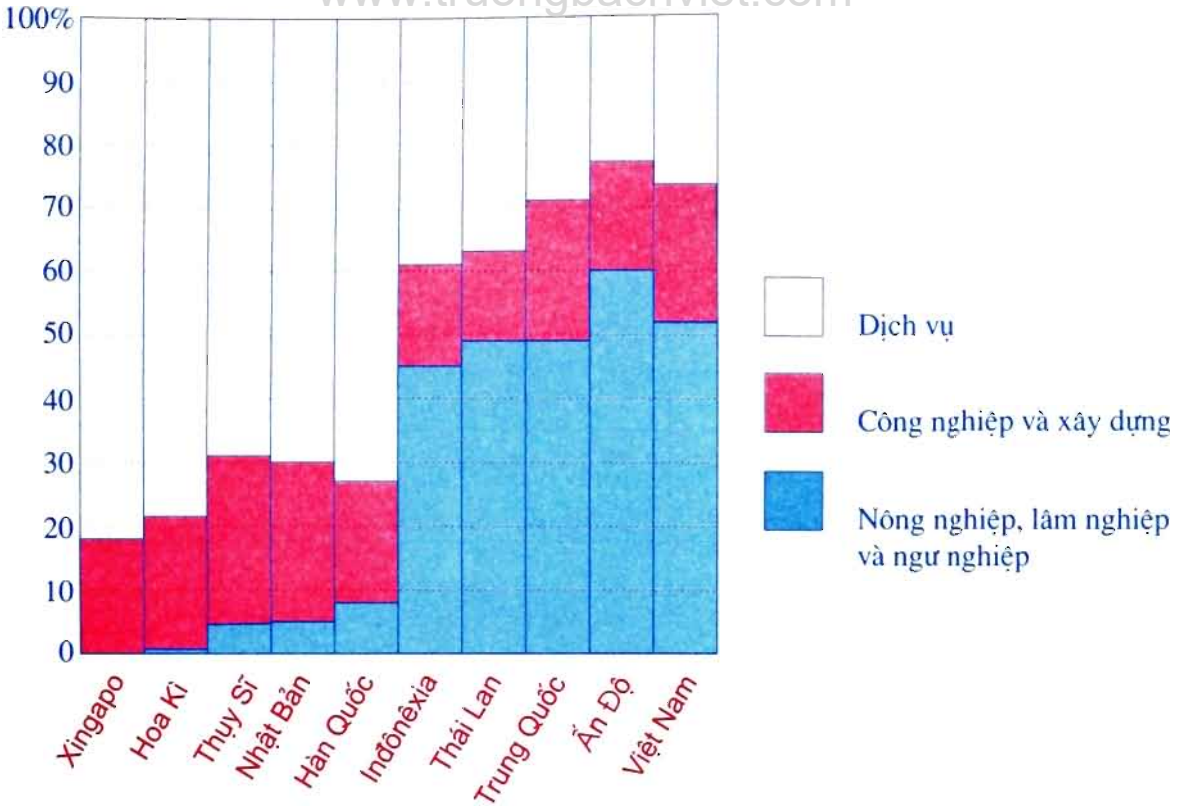
❖ Mỗi kiểu tháp dân số đặc trưng cho nhóm nước nào:.....

❖ Tương quan giữa các nhóm tuổi 1 - 14 (dưới độ tuổi lao động), 15 - 59 (trong độ tuổi lao động) và từ 60 tuổi trở lên (ngoài độ tuổi lao động):.....

Nhóm tuổi	Dân số già (%)	Dân số trẻ (%)
0 - 14	< 25	> 35
15 - 59	60	55
60 trở lên	> 15	< 10

2. Dựa vào bảng số liệu trên, em hãy phân tích đặc trưng, những thuận lợi và khó khăn của dân số già và dân số trẻ đối với việc phát triển kinh tế - xã hội:.....

Biểu đồ Kết cấu lao động theo khu vực kinh tế năm 2009 (%)



3. Dựa vào “Biểu đồ Kết cấu lao động theo khu vực kinh tế năm 2009 (%)”, kết hợp với kiến thức đã học, em hãy cho biết:

❖ Những nước có tỉ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp cao:

.....

.....

.....

❖ Những nước có tỉ lệ lao động trong khu vực dịch vụ cao:

.....

.....

.....

❖ Em hãy giải thích vì sao cơ cấu dân số lao động theo khu vực kinh tế lại có sự phân hoá như vậy:

.....

.....

.....

.....

.....

1. Dựa vào hình 33.1 và hình 33.2 ban nâng cao kết hợp với nội dung SGK, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở bảng sau những nội dung phù hợp thể hiện đặc điểm và sự phân bố của các chủng tộc chính trên thế giới.

Đặc điểm	Mônggôlôit	Ơrôpêôit	Nêgrôit - Ôxtralôit
• Da
• Tóc
• Sống mũi
• Dạng môi
Nơi phân bố chủ yếu

2. Dựa vào hình 33.3 trong SGK ban nâng cao, em hãy xác định các khu vực phân bố của các tôn giáo chủ yếu trên thế giới:

❖ Khu vực phân bố đạo Cơ đốc:.....

.....

❖ Khu vực phân bố đạo Hồi:.....

.....

❖ Khu vực phân bố đạo Phật:.....

.....

❖ Khu vực phân bố đạo Do Thái:.....

.....

❖ Khu vực phân bố đạo Hindu:.....

.....

(Bài 24 ban chuẩn; Bài 34 ban nâng cao)

1. Dựa vào bản đồ giáo khoa địa lí treo tường “Dân cư và đô thị lớn trên thế giới” kết hợp với hình 25 trong SGK ban chuẩn hoặc hình 35.1 ban nâng cao và các kiến thức đã học, em hãy nêu rõ:

❖ Các khu vực tập trung đông dân nhất:.....

.....

.....

.....

.....

.....

❖ Các khu vực dân cư thưa thớt:.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy ghép tên các khu vực phân bố dân cư vào các địa bàn tương ứng:

Dân cư tập trung đông

Khí hậu ôn hoà, ẩm áp

Mưa quá nhiều hoặc hoang mạc

Châu thổ các sông lớn, địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ

Dân cư thưa thớt

Lãnh thổ mới khai thác, vùng đất mới

Hoạt động công nghiệp phát triển

Vùng núi cao, giao thông khó khăn

4. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở bảng dưới đây những thông tin cần thiết về hai loại hình quần cư nông thôn và quần cư thành thị.

	Quần cư nông thôn	Quần cư thành thị
Đặc điểm		
Chức năng		

5. Dựa vào nội dung SGK kết hợp với các kiến thức đã học, em hãy nêu rõ các đặc điểm của đô thị hoá và những ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

❖ Đặc điểm của đô thị hoá:.....

.....

.....

.....

.....

❖ Ảnh hưởng tích cực của đô thị hoá:.....

.....

.....

.....

.....

❖ Ảnh hưởng tiêu cực của đô thị hoá:.....

.....

.....

.....

.....

CƠ CẤU NỀN KINH TẾ

(Bài 26 ban chuẩn; Bài 36, 37 ban nâng cao)

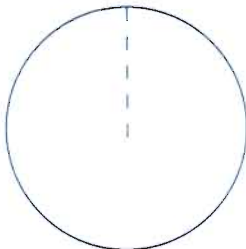
1. Dựa vào nội dung SGK em hãy điền tiếp vào bảng sau những thông tin cần thiết về các nguồn lực và vai trò của chúng đối với sự phát triển kinh tế.

	Các nguồn lực cụ thể	Vai trò đối với sự phát triển kinh tế
Vị trí địa lý		
Nguồn lực tự nhiên		
Nguồn lực kinh tế xã hội		




2. Dựa vào bảng số liệu cơ cấu GDP theo ngành năm 2008 (%)

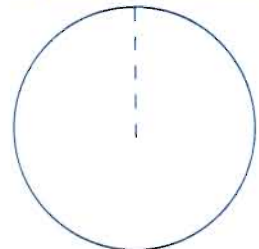
Nhóm nước	Năm 2008		
	Nông, lâm, ngư nghiệp	Công nghiệp, xây dựng	Dịch vụ
Phát triển	2	27	71
Đang phát triển	25	32	43

❖ Em hãy vẽ hai biểu đồ hình tròn thể hiện cơ cấu GDP (%) theo ngành của hai nhóm nước



Nhóm nước phát triển

-  Nông, lâm, ngư nghiệp
-  Công nghiệp, xây dựng
-  Dịch vụ



Nhóm nước đang phát triển

❖ Qua bảng số liệu và và biểu đồ đã vẽ, em hãy nêu nhận xét về cơ cấu GDP theo ngành của hai nhóm nước :

.....

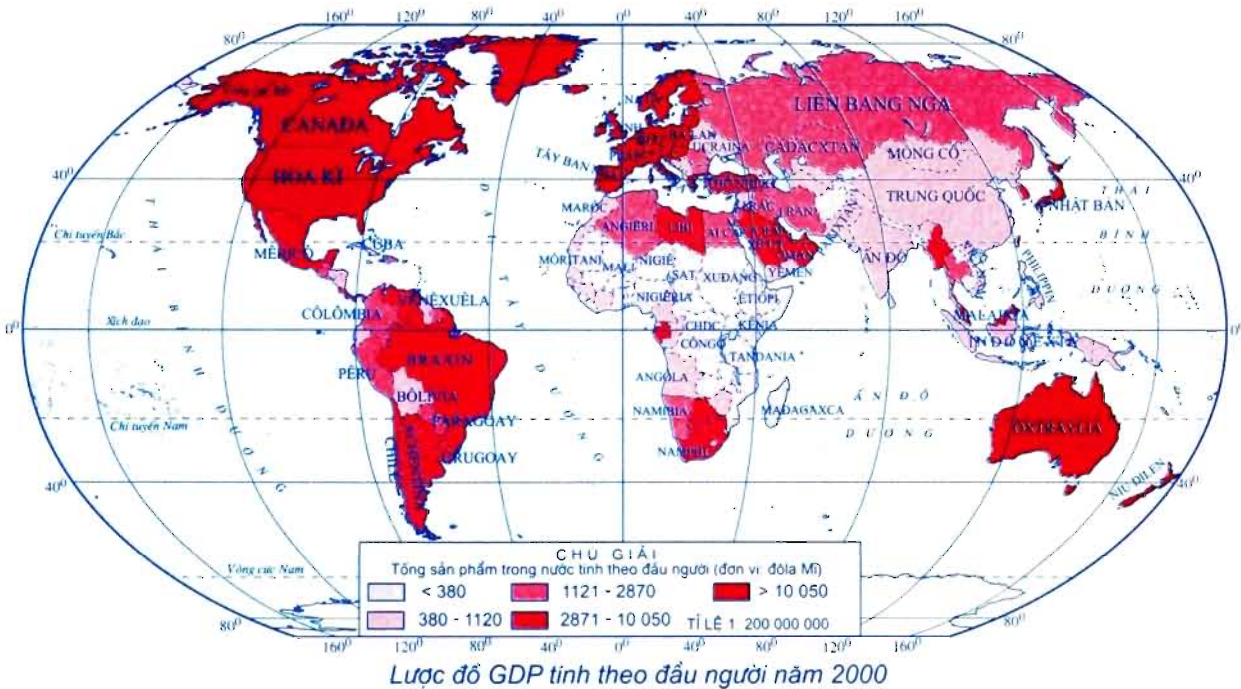
.....

.....

3. Cho bảng số liệu sau đây về GDP và dân số của thế giới, các khu vực và một số quốc gia năm 2008, hãy tính GDP/người:

Khu vực, nước	GDP (tỷ USD)	Dân số (triệu người)	GDP/người (USD)
Toàn thế giới	60 585,3	6705,0	
Nhóm nước đang phát triển	17 395,4	5 484,7	
Nhóm nước phát triển	43 189,9	1 220,3	
+ Lucxambua	54 257,3	0,5	
+ Hoa Kỳ	14 204,3	304,5	
+ Na Uy	450,0	4,8	
+ Nhật Bản	4909,3	127,7	
+ Xiêra Lêôn	1,95	5,5	
+ Malauy	4,27	13,6	
+ Việt Nam	89,6	85,1	

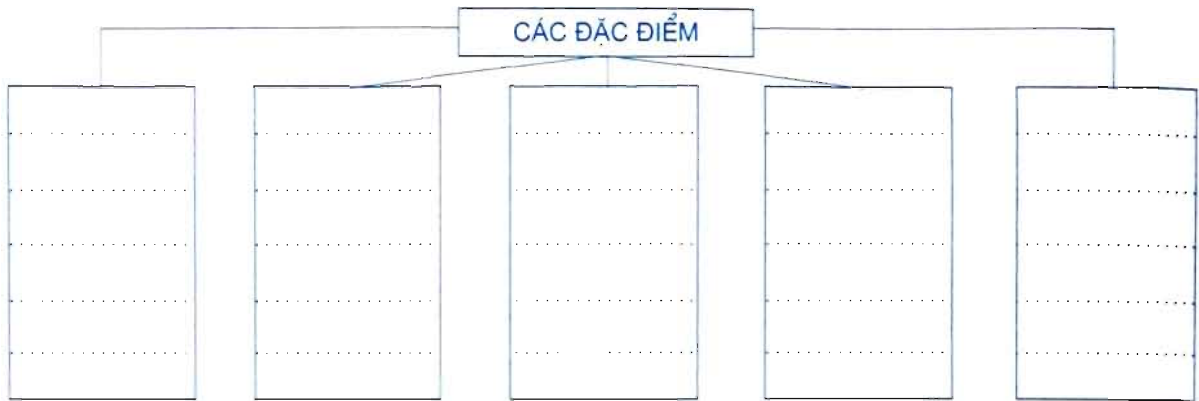
4. Dựa vào lược đồ GDP tính theo đầu người năm 2000 dưới đây, em hãy nêu rõ:



❖ Những nước có GDP/người cao:

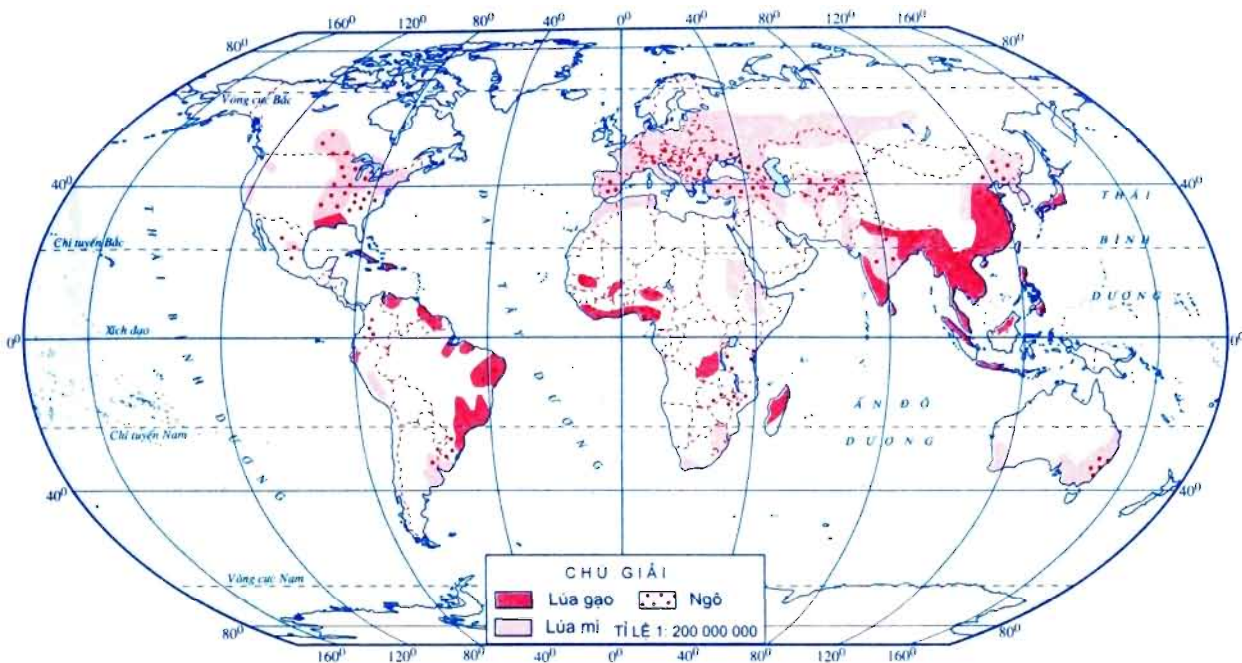
❖ Những nước có GDP/người thấp:

1. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền tiếp vào sơ đồ dưới đây các đặc điểm của sản xuất nông nghiệp:



2. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền vào chỗ chấm (...) ở bảng sau những nội dung phù hợp thể hiện ảnh hưởng của từng nhân tố tới phân bố nông nghiệp.

Các nhóm nhân tố	Các nhân tố cụ thể	Ảnh hưởng đến phân bố nông nghiệp
Tự nhiên	- Đất: - Khí hậu, nước : - Sinh vật:	
Kinh tế	- Dân cư, lao động: - Sở hữu ruộng đất: - Tiến bộ khoa học kĩ thuật trong nông nghiệp:	
Xã hội	- Thị trường tiêu thụ:	



Lược đồ Phân bố cây lương thực chính trên thế giới

1. Quan sát lược đồ, kết hợp với các kiến thức đã học em hãy xác định những khu vực phân bố chủ yếu các cây lương thực chính và nêu rõ đặc điểm sinh thái của chúng.

Tên	Lúa mì	Lúa gạo	Ngô
KHU VỰC PHÂN BỐ			
ĐẶC ĐIỂM SINH THÁI			

2. Dựa vào nội dung SGK em hãy điền tiếp vào bảng dưới đây những thông tin phù hợp nêu rõ vai trò và đặc điểm của hai nhóm cây lương thực và cây công nghiệp.

	Cây lương thực	Cây công nghiệp
Vai trò
Đặc điểm

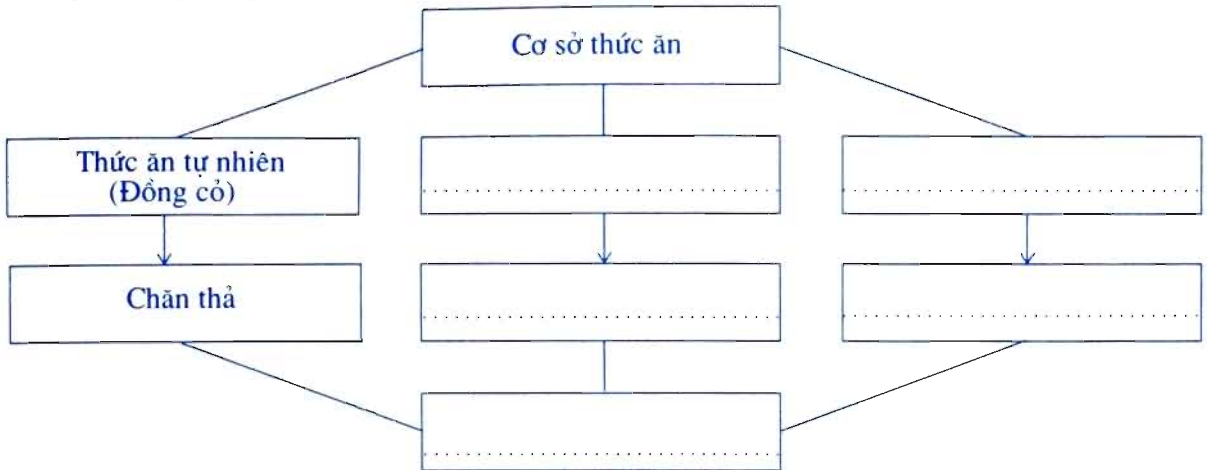
3. Dựa vào nội dung SGK và các kiến thức đã học, em hãy điền vào bảng sau đặc điểm sinh thái và tình hình phân bố của một số cây công nghiệp chủ yếu:

Tên	Đặc điểm sinh thái	Phân bố
Mía
Bông
Chè
Cà phê
Cao su

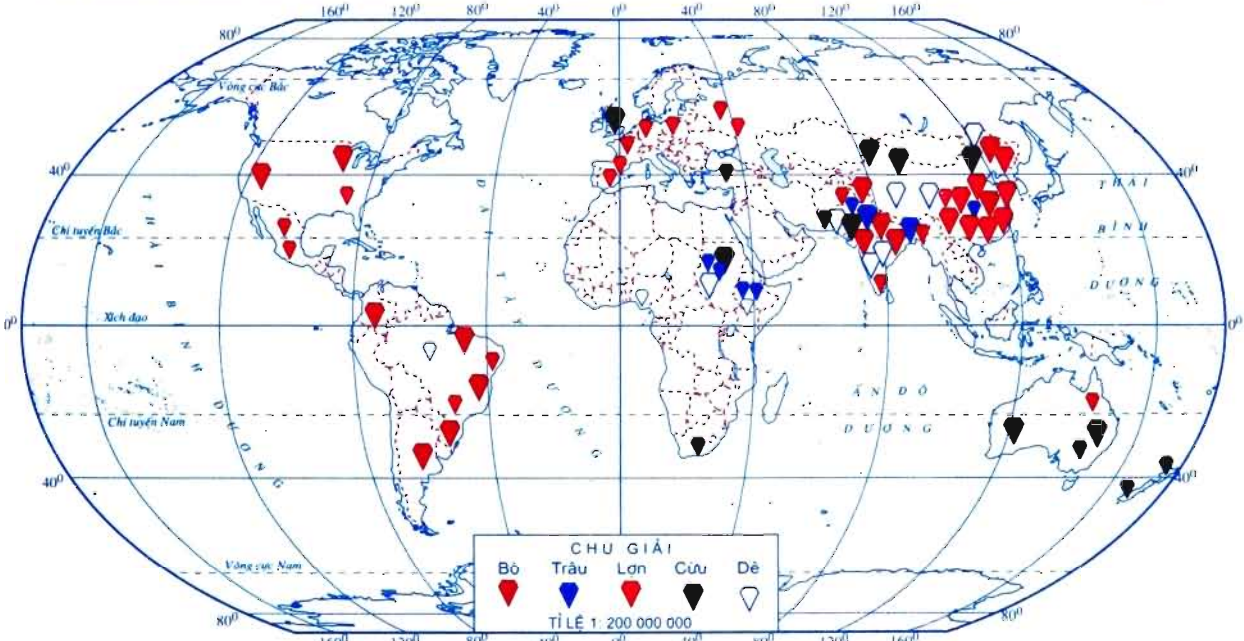
ĐỊA LÍ NGÀNH CHĂN NUÔI

(Bài 29 ban chuẩn; Bài 41 ban riêng cao)

1. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền vào sơ đồ dưới đây các nội dung phù hợp thể hiện mối quan hệ giữa nguồn thức ăn với các hình thức chăn nuôi?



2. Quan sát lược đồ dưới đây, em hãy xác định những khu vực phân bố các vật nuôi chủ yếu.



Lược đồ Phân bố đàn gia súc trên thế giới

❖ Bò:

❖ Trâu:

❖ Lợn:

❖ Cừ:

❖ Dê:

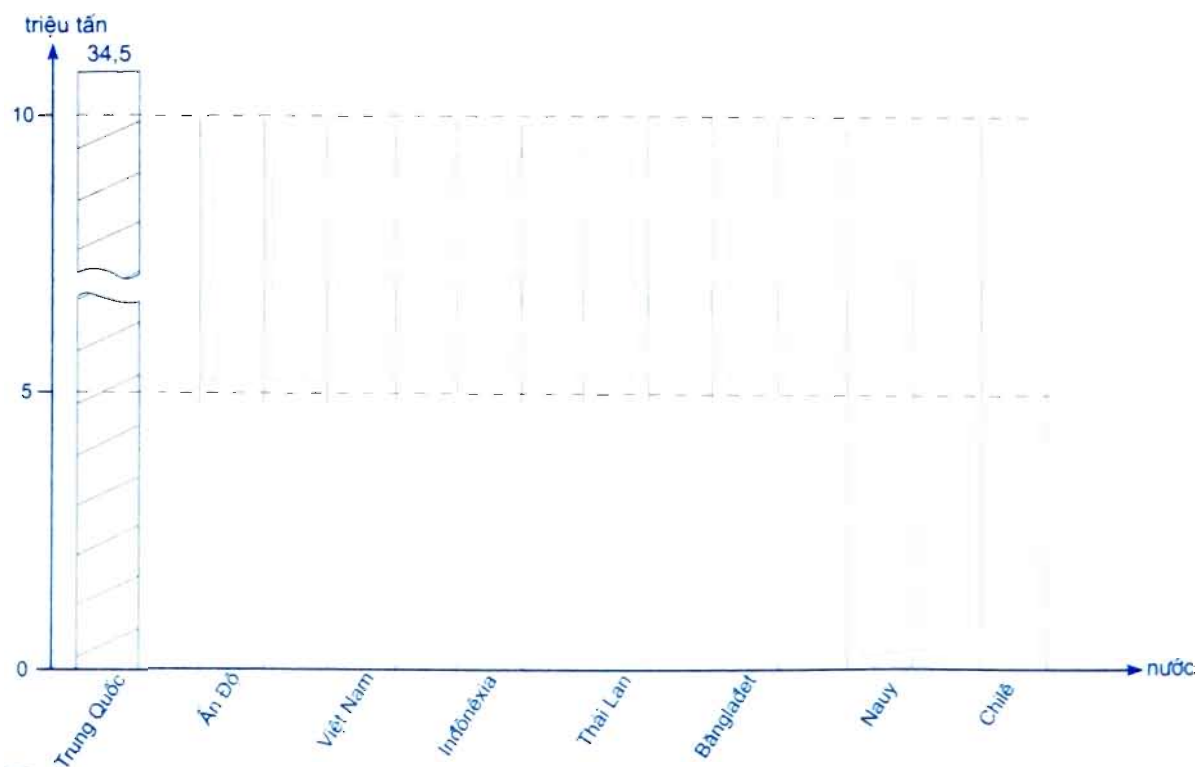
3. Dựa vào các kiến thức đã học, em hãy ghép tên các vật nuôi vào các vùng chăn nuôi tương ứng:

Cừ	Vùng đồng cỏ tươi tốt
Trâu	Vùng lương thực thâm canh
Bò	Vùng đồng cỏ tươi tốt nhiệt đới ẩm
Lợn	Vùng đồng cỏ khô cằn

4. Dựa vào bảng số liệu về các nước có sản lượng nuôi trồng thủy sản nhiều nhất thế giới năm 2007, em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng nuôi trồng thủy sản của các nước này.

Tên nước	Sản lượng (triệu tấn)
Trung Quốc	31,4
Ấn Độ	3,4
Việt Nam	2,2
Indônêxia	1,4

Tên nước	Sản lượng (triệu tấn)
Thái Lan	1,4
Banglădet	0,9
Nauy	0,8
Chilê	0,8



1. Dựa vào nội dung SGK, em hãy ghi vào bảng dưới đây các đặc điểm cơ bản của ba hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chủ yếu:

	Trang trại	Thế tổng hợp nông nghiệp	Vùng nông nghiệp
Đặc điểm			

2. Em hãy nêu các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam vào bảng sau:

Trên thế giới	Ở Việt Nam

3. Em hãy sắp xếp cụm từ dưới đây vào bảng sao cho phù hợp:

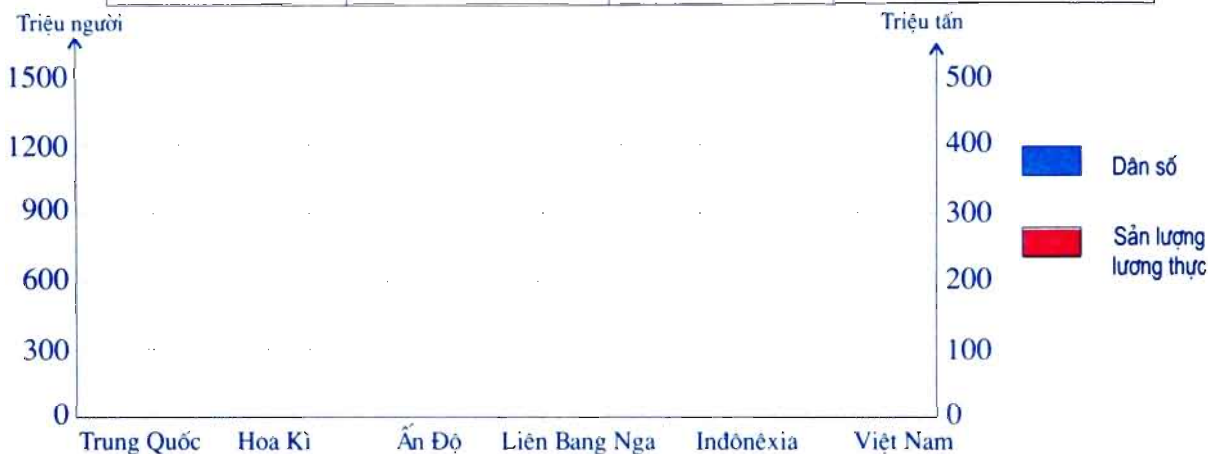
- | | |
|---|--|
| a. Hình thức vốn có của sản xuất nhỏ. | e. Vốn ít, quy mô đất đai nhỏ bé. |
| b. Sản xuất hàng hoá. | g. Sử dụng lao động làm thuê. |
| c. Gắn với quá trình công nghiệp hoá. | h. Sử dụng lao động gia đình. |
| d. Chủ yếu nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng. | i. Áp dụng khoa học kĩ thuật, thâm canh và chuyên môn hoá. |

Hộ gia đình	Trang trại

THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH VỀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA THẾ GIỚI VÀ MỘT SỐ QUỐC GIA
(Bài 30 ban chuẩn)

1. Dựa vào bảng số liệu về sản lượng lương thực và dân số của một số nước trên thế giới năm 2007, em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện sản lượng lương thực và dân số của các nước này:

Tên nước	Sản lượng lương thực (triệu tấn)	Dân số (triệu người)	Bình quân lương thực đầu người (kg/người)
Trung Quốc	457,4	1318,0
Hoa Kỳ	415,2	302,2
Ấn Độ	260,5	1131,9
Liên Bang Nga	80,5	141,7
Indônêxia	70,4	231,6
Việt Nam	40,0	84,2
Thế giới	2351,0	6625,0



2. Em hãy tính bình quân lương thực theo đầu người, điền vào chỗ chấm (...) ở bảng trên và nêu nhận xét:

❖ Những nước có dân số đông:.....

❖ Những nước có sản lượng lương thực lớn:.....

❖ Những nước có bình quân lương thực/đầu người cao:.....

❖ Những nước có bình quân lương thực/đầu người thấp:.....

❖ Việt Nam:.....

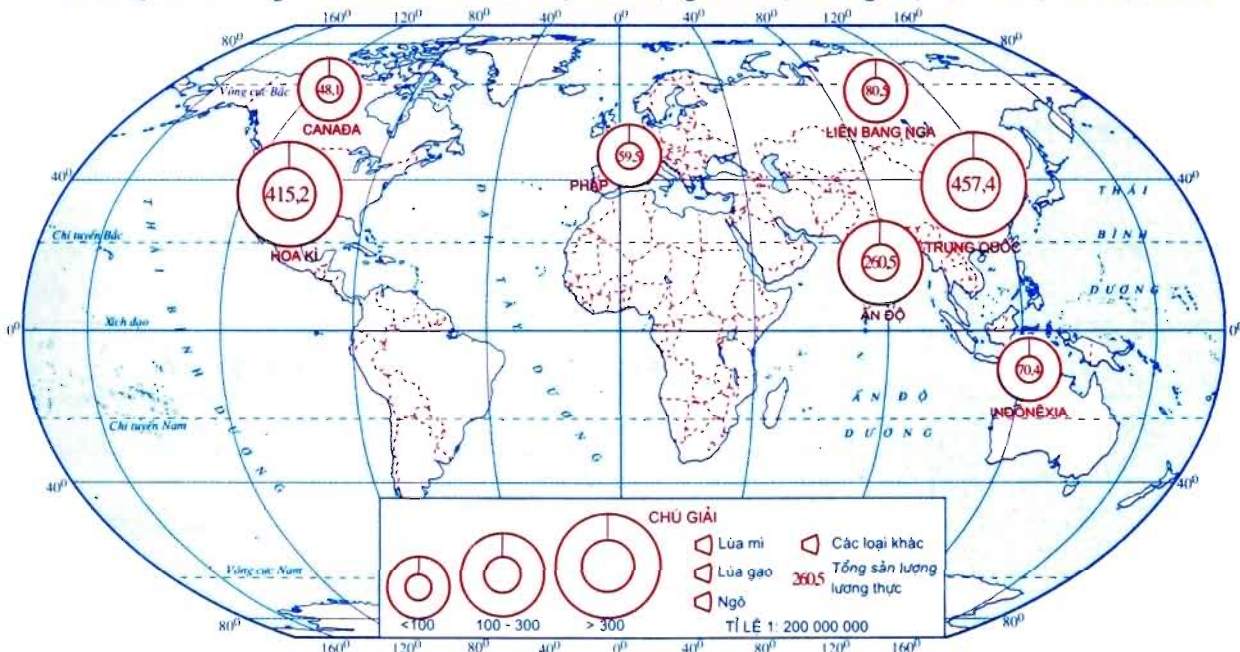
THỰC HÀNH: SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BẢN ĐỒ - BIỂU ĐỒ ĐỂ THỂ HIỆN SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.

(Bài 43 ban nâng cao)

Cho bảng số liệu các nước sản xuất lương thực nhiều nhất thế giới năm 2007, em hãy hoàn thành biểu đồ cơ cấu lương thực của các nước vào lược đồ dưới đây:

Tên nước	Tổng sản lượng lương thực (triệu tấn)	Lúa mì (%)	Lúa gạo (%)	Ngô (%)	Các loại lương thực khác (%)
Trung Quốc	457,4	23,9	41,0	33,2	1,9
Hoa Kỳ	415,2	13,4	2,2	79,7	4,7
Liên Bang Nga	80,5	61,4	-	4,5	34,1
Ấn Độ	260,5	29,1	55,5	7,3	8,1
Pháp	59,5	55,1	-	24,4	20,5
Canada	48,1	41,6	-	24,1	34,3
Indônêxia	70,4	-	81,2	18,8	-

Hướng dẫn: Trong mỗi hình tròn chia tỉ lệ sản lượng các loại lương thực (mỗi loại tô một màu)



Lược đồ Sản lượng lương thực cơ cấu lương thực ở một số nước trên thế giới

❖ Nêu những nhận xét về đặc điểm cơ cấu sản xuất lương thực của các nước này:

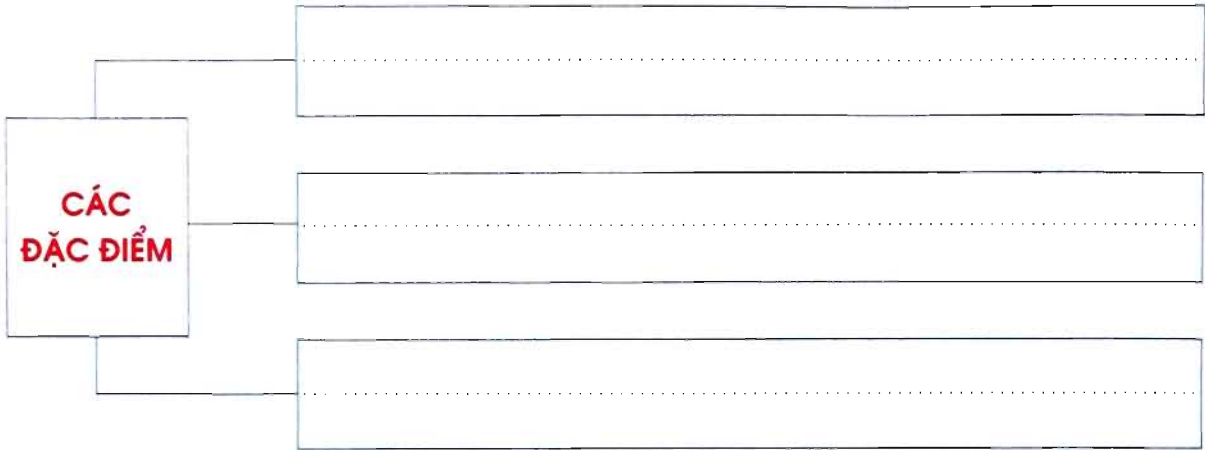
- Những nước đứng đầu về sản lượng lương thực và cơ cấu đủ loại:
- Những nước trồng lúa mì là chủ yếu:
- Những nước trồng lúa gạo là chủ yếu:
- Những nước trồng nhiều ngô:

VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ

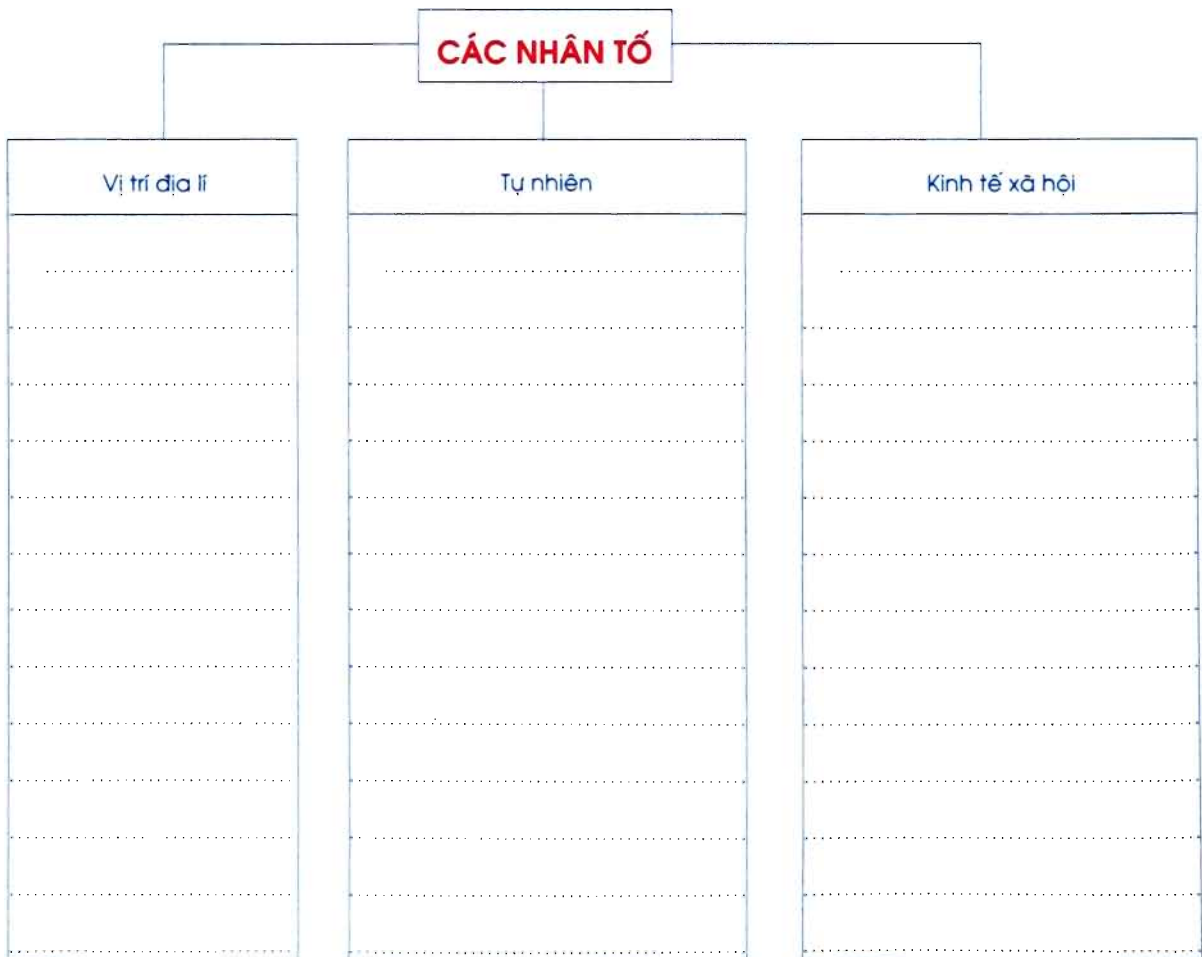
PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

(Bài 31 ban chuẩn; Bài 44 ban nâng cao)

1. Dựa vào SGK, em hãy điền vào sơ đồ dưới đây các đặc điểm của sản xuất công nghiệp:



2. Dựa vào nội dung SGK, em hãy điền vào bảng sau những nội dung phù hợp thể hiện các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp.



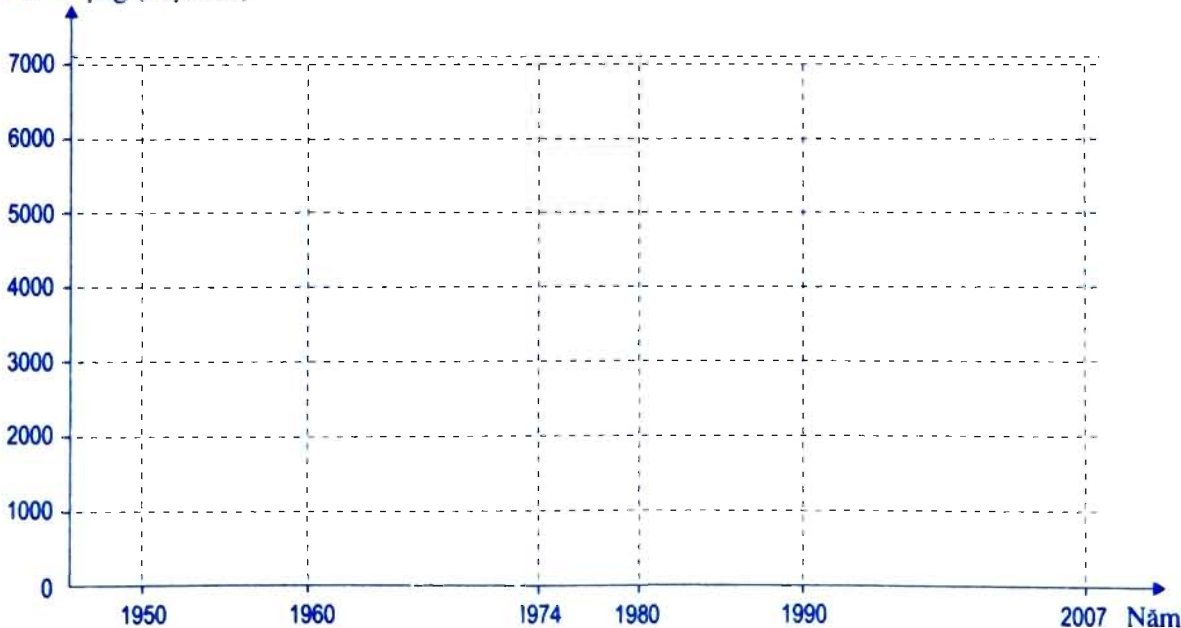
1. Dựa vào SGK, hình 32.3, 32.4 ban chuẩn hoặc hình 45.1, 45.2, 45.4 ban nâng cao, em hãy điền vào bảng sau các nội dung phù hợp thể hiện vai trò và tình hình phân bố ngành công nghiệp năng lượng:

	Khai thác than	Khai thác dầu	Công nghiệp điện lực
Vai trò			
Tình hình phân bố			

2. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, vẽ biểu đồ cột thể hiện tình hình khai thác than trên thế giới.

Năm	1950	1960	1970	1980	1990	2007
Sản lượng (triệu tấn)	1820	2603	2936	3770	3387	7029

Sản lượng (triệu tấn)

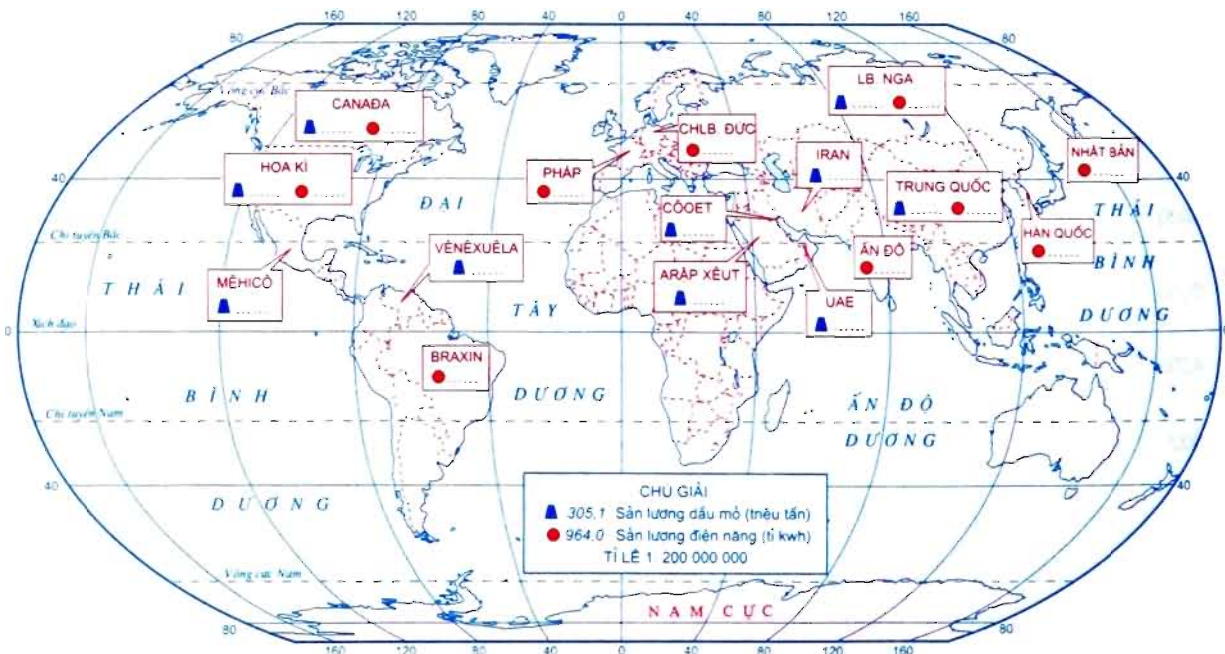


3. Dựa vào lược đồ và bảng số liệu dưới đây:

Các nước khai thác dầu năm 2007 (triệu tấn)		Các nước sản xuất điện năm 2007 (tỉ Kwh)	
Toàn thế giới	3929,0	Toàn thế giới	18953,0
Hoa Kỳ	305,1	Hoa Kỳ	4167,0
Arập Xêút	515,3	Trung Quốc	3256,0
LB. Nga	488,5	Nhật Bản	1082,0
Iran	209,8	LB. Nga	964,0
Mêhicô	157,4	Canada	612,0
Trung Quốc	189,7	CHLB. Đức	595,0
Côoet	137,3	Pháp	538,0
Các tiểu vương quốc Arập thống nhất (UAE)	139,5	Ấn Độ	663,0
Vê-nê-xuê-la	131,6	Hàn Quốc	413,0
Canada	156,7	Braxin	437,0

❖ Em hãy điền tiếp vào lược đồ số liệu khai thác dầu mỏ và sản xuất điện năng của các nước chủ yếu trên thế giới.

Lược đồ Các nước khai thác dầu mỏ và sản xuất điện năng chủ yếu trên thế giới năm 2007



❖ Em hãy nêu nhận xét dựa trên số liệu và lược đồ đã hoàn thành:

4. Dựa vào bảng số liệu về “Tình hình sản xuất thép trên thế giới”, em hãy vẽ biểu đồ cột để thể hiện rõ sự phát triển của ngành này qua các năm:

Năm	1938	1950	1960	1970	1980	1990	2007
Sản lượng (triệu tấn)	110	189	346	594	682	770	1090

Sản lượng (triệu tấn)



5. Dựa vào nội dung SGK và hình 32.5 ban chuẩn hoặc hình 45.6 ban nâng cao, em hãy nhận xét về tình hình khai thác quặng sắt và sản xuất thép trên thế giới:

❖ Những nước vừa khai thác nhiều quặng sắt, vừa sản xuất thép:.....

❖ Những nước khai thác nhiều quặng sắt:.....

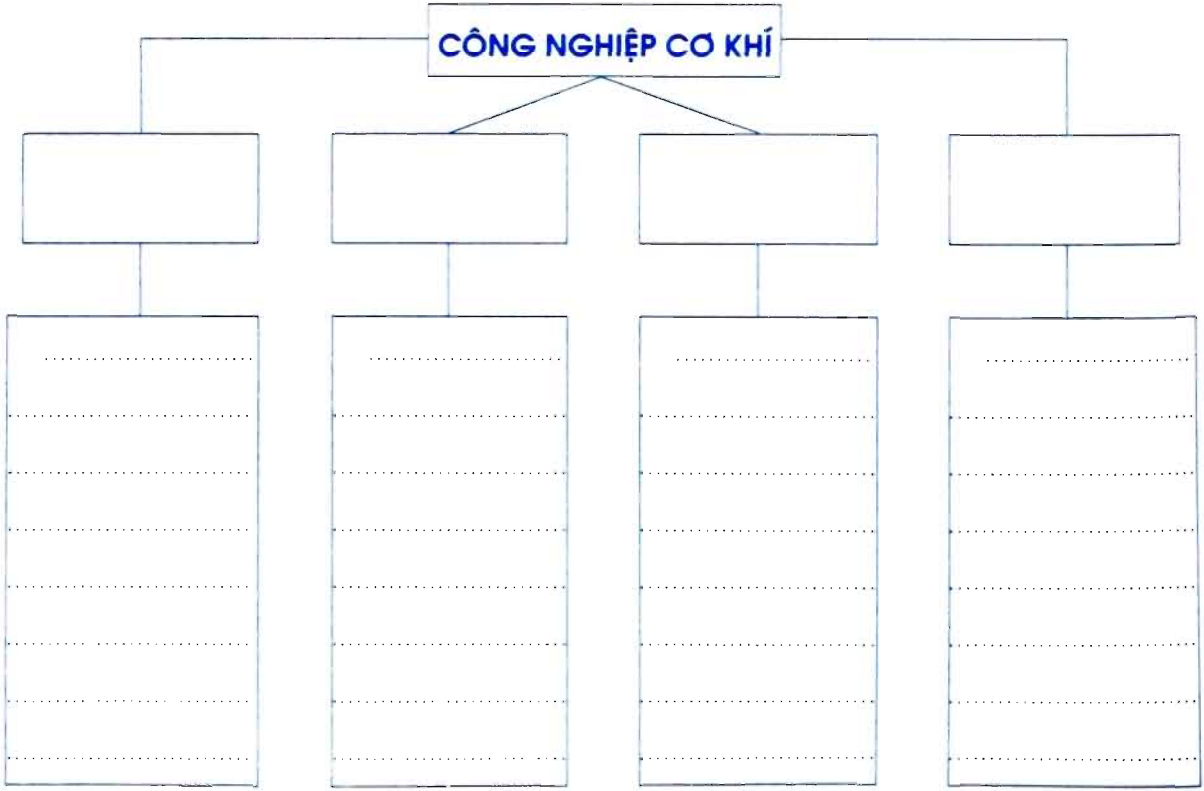
❖ Những nước sản xuất nhiều thép:.....

6. Dựa vào nội dung SGK (mục công nghiệp luyện kim màu), em hãy điền vào chỗ trống và sơ đồ những nội dung phù hợp về ngành công nghiệp cơ khí.
kim loại màu chỉ tập trung chủ yếu ở các nước có nền công nghiệp phát triển?.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

7. Dựa vào SGK và các kiến thức đã học, em hãy điền vào chỗ trống và sơ đồ những nội dung phù hợp về ngành công nghiệp cơ khí.

❖ Vai trò của ngành công nghiệp cơ khí trong hệ thống các ngành công nghiệp và nền kinh tế quốc dân.....
.....
.....
.....
.....
.....

❖ Sơ đồ các phân ngành công nghiệp cơ khí và sản phẩm của nó.



8. Dựa vào nội dung SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ sau đây thể hiện các sản phẩm cụ thể của các phân ngành công nghiệp điện tử - tin học.

Máy tính	Thiết bị điện tử	Điện tử tiêu dùng	Thiết bị viễn thông

9. Dựa vào SGK, em hãy điền vào chỗ trống và sơ đồ những nội dung phù hợp về ngành công nghiệp hoá chất.

❖ Vai trò của công nghiệp hoá chất.....

.....

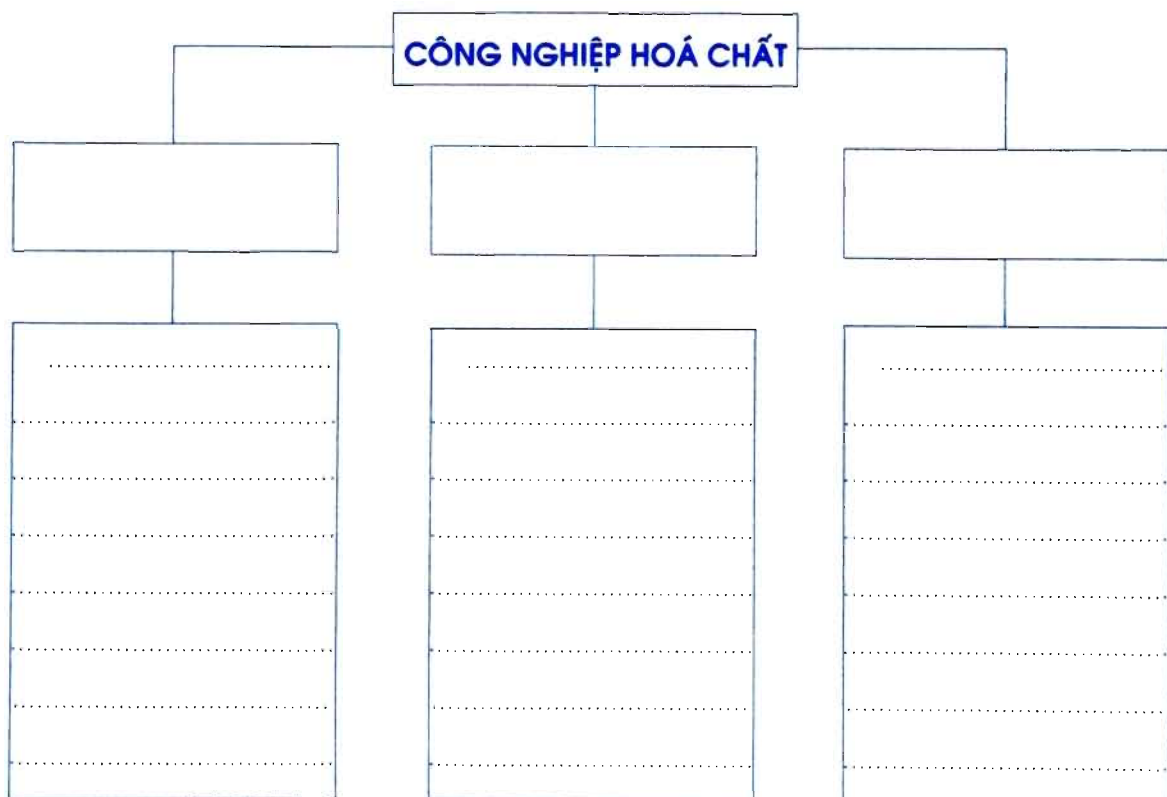
.....

.....

.....

.....

❖ Sơ đồ các phân ngành công nghiệp hoá chất và sản phẩm của nó.



10. Dựa vào SGK (mục công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng) hãy nêu vai trò của ngành công nghiệp này và giải thích vì sao ngành dệt may được phân bố rộng rãi ở nhiều nước, kể cả các nước đang phát triển.

❖ Vai trò:.....
.....
.....

❖ Giải thích:.....
.....
.....

11. Dựa vào SGK (mục công nghiệp thực phẩm), trả lời câu hỏi theo gợi ý sau:

❖ Vai trò của công nghiệp thực phẩm:.....
.....
.....

❖ Nêu rõ các sản phẩm cụ thể của công nghiệp thực phẩm:

● Chế biến từ các sản phẩm trồng trọt:.....
.....
.....

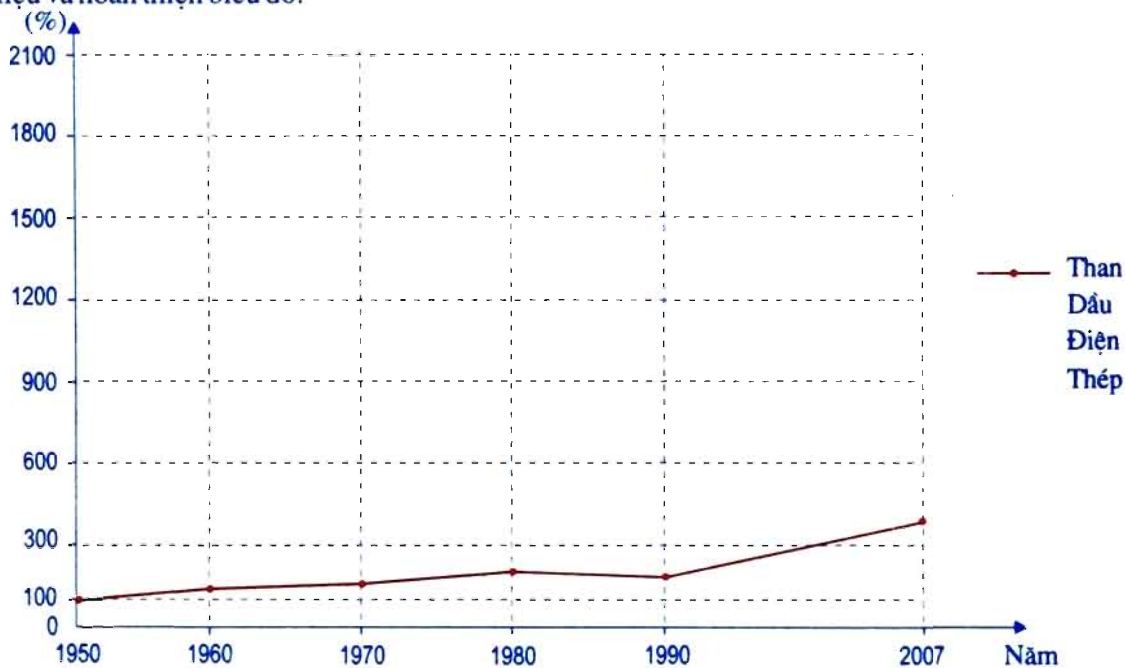
● Chế biến các sản phẩm chăn nuôi:.....
.....
.....

● Chế biến thủy, hải sản:.....
.....
.....

1. Dựa vào bảng số liệu tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp của thế giới thời kì 1950 - 2007, em hãy vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng các sản phẩm công nghiệp.

Sản phẩm	1950	1960	1970	1980	1990	2007
Than (triệu tấn)	1820	2603	2936	3770	3387	7029
Dầu mỏ (triệu tấn)	523	1052	2336	3066	3331	3929
Điện (tỉ kwh)	967	2304	4962	8247	11832	18953
Thép (triệu tấn)	189	346	594	682	770	1098

Hướng dẫn: Lấy năm 1950 = 100%, xử lí số liệu thể hiện tốc độ tăng trưởng (%), thành lập bảng số liệu và hoàn thiện biểu đồ:



2. Nhận xét biểu đồ và giải thích:

❖ Than: Được sử dụng từ lâu, nhịp độ tăng trưởng khá đều, thời kì 1980 - 1990 có dừng lại vì
, vào cuối những năm 1990 có tốc độ tăng trở lại vì

❖ Dầu:

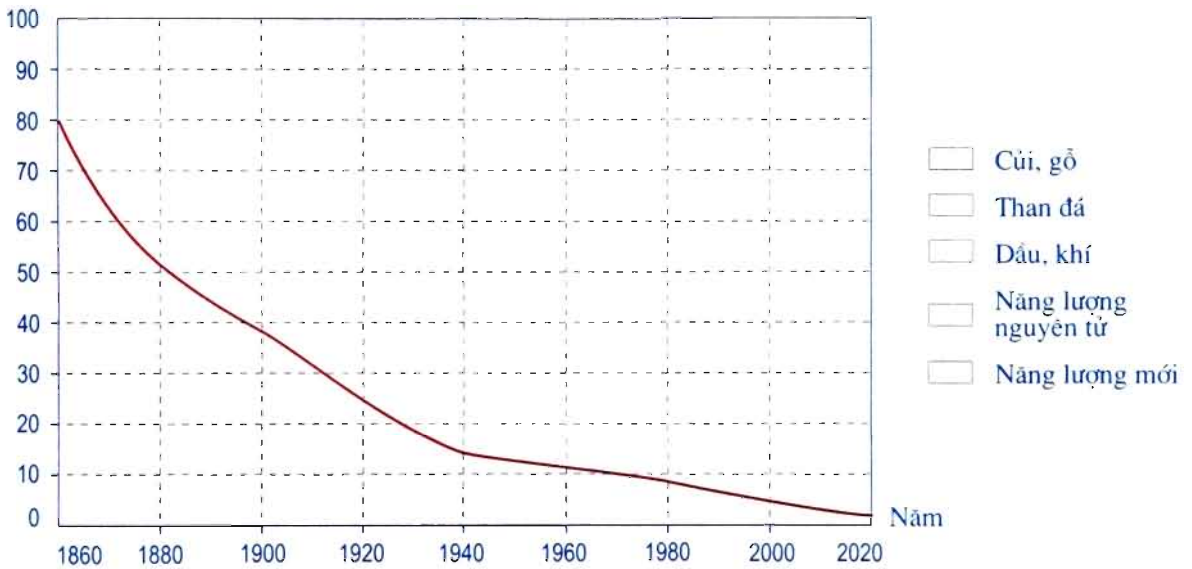
❖ Điện:

❖ Thép:

1. Dựa vào bảng số liệu cơ cấu sử dụng năng lượng toàn thế giới thời kỳ 1860 - 2020 (đơn vị %), em hãy vẽ biểu đồ miền thể hiện cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu sử dụng năng lượng toàn thế giới.

Nguồn năng lượng	1860	1880	1900	1920	1940	1960	1980	2000	2020
Củi, gỗ	80	53	38	25	14	11	8	5	2
Than đá	18	44	58	68	57	37	22	20	16
Dầu mỏ - Khí đốt	2	3	4	7	26	44	58	54	44
Năng lượng nguyên tử, thủy điện	-	-	-	-	3	8	9	14	22
Năng lượng mới (mặt trời, địa nhiệt, sức gió)	-	-	-	-	-	-	3	7	16

Hướng dẫn: Trục hoành biểu hiện các mốc thời gian, trục tung biểu hiện số % so với tổng là 100.



2. Nhận xét về sự thay đổi cơ cấu sử dụng năng lượng thế giới, giải thích:

❖ Củi, gỗ: Được sử dụng sớm, có xu hướng ngày càng giảm nhanh từ 80% năm 1860 còn 5% năm 2000 và tới 2020 chỉ còn 2%. Đây là xu thế đúng vì để bảo vệ rừng.

❖ Than:

❖ Dầu - khí:

❖ Năng lượng nguyên tử, thủy điện:

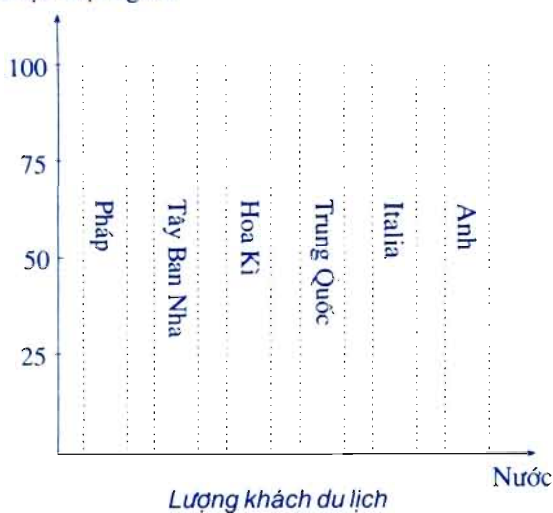
❖ Năng lượng mới:

3. Dựa vào bảng số liệu: Các nước dẫn đầu về du lịch trên thế giới năm 2008

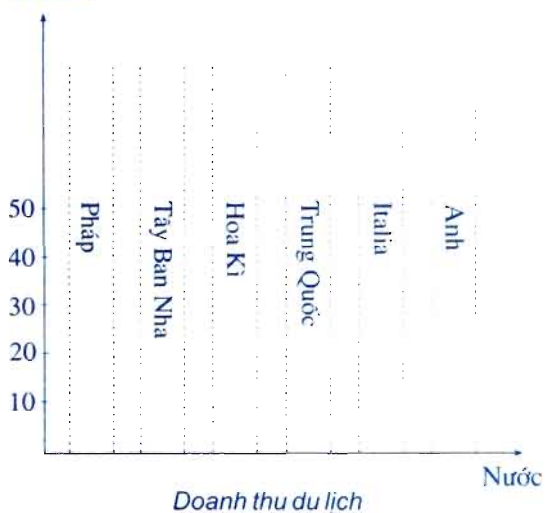
Nước	Khách du lịch đến (triệu lượt người)	Doanh thu (tỉ USD)
Pháp	79,2	55,6
Tây Ban Nha	57,2	61,6
Hoa Kỳ	57,9	110,1
Trung Quốc	53,0	40,8
Italia	42,7	45,7
Anh	30,1	36,0

Hãy vẽ biểu đồ hình cột thể hiện lượng khách du lịch và doanh thu du lịch của các nước trên và rút ra nhận xét.

Triệu lượt người



Tỉ USD



VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Bài 36 ban chuẩn; Bài 49 ban nâng cao)

1. Với sự hiểu biết của mình, em hãy nêu rõ vai trò của ngành giao thông vận tải trong phát triển kinh tế và đời sống:

.....

.....

.....

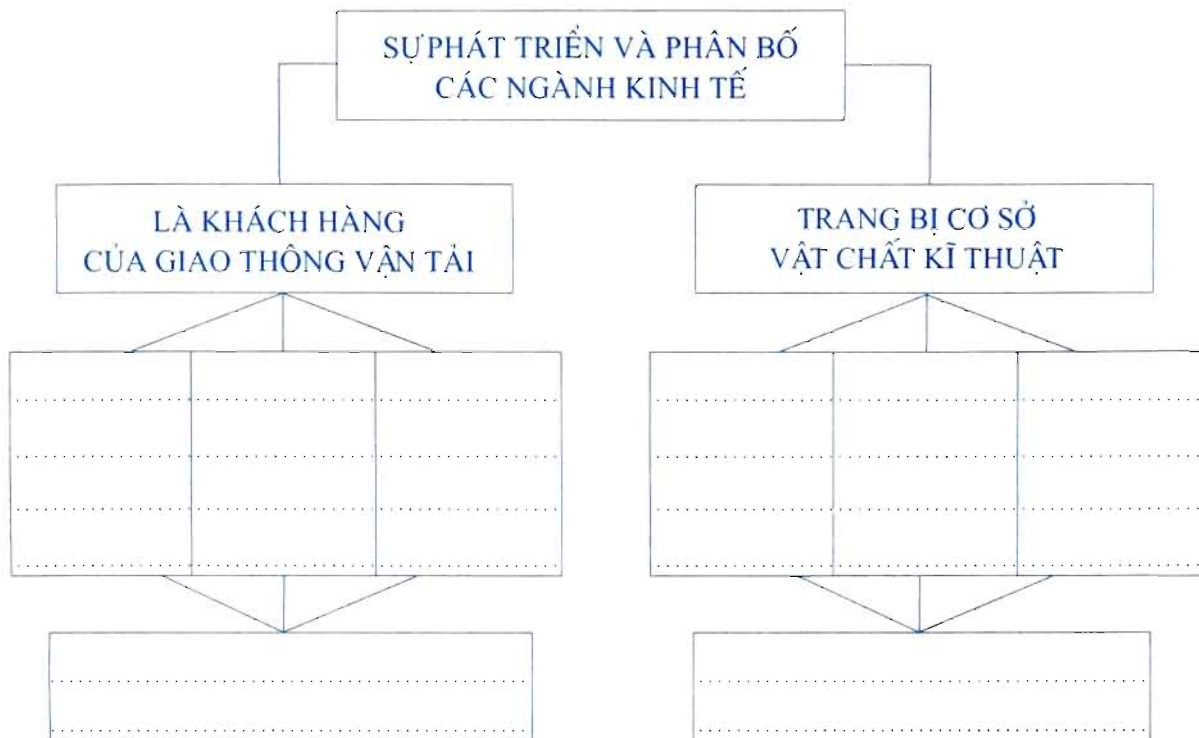
2. Dựa vào nội dung bài học trong SGK, điền vào bảng sau những thông tin phù hợp thể hiện đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

	Sản phẩm	Thước đo
Đặc điểm

3. Điền vào bảng dưới đây những nội dung thể hiện sự tác động của nhân tố tự nhiên đến phân bố ngành giao thông vận tải.

Nhân tố tự nhiên	Ảnh hưởng
Địa hình
Khí hậu và thời tiết

4. Hoàn thành sơ đồ sau để chứng minh vai trò quyết định của sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế đến sự phát triển, phân bố và hoạt động của ngành giao thông vận tải.



5. Dựa vào bảng số liệu: Khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển của các phương tiện vận tải nước ta năm 2008, hãy tính cự li vận chuyển trung bình về hàng hoá của các loại phương tiện vận tải ở nước ta và điền vào cột trống trong bảng.

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (nghìn tấn.km)	Cự li vận chuyển trung bình (km)
Đường sắt	8 481,1	4 170 900	
Đường ô tô	455 898,4	27 968 000	
Đường sông	133 027,9	24 867 800	
Đường biển	55 696,5	115 556 800	
Đường hàng không	131,4	295 600	
Tổng số	653 235,3	172 859 100	

ĐỊA LÝ CÁC NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Bài 37 ban chuẩn; Bài 50 ban nâng cao)

1. Dựa vào nội dung bài học trong SGK, hãy so sánh ưu nhược điểm của:

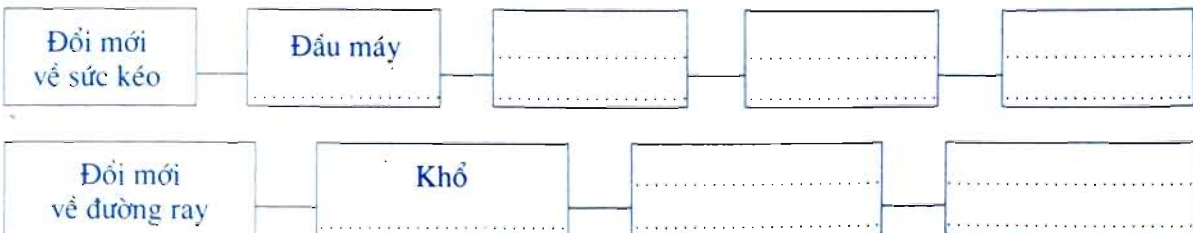
A. Giao thông đường sắt và giao thông đường ô tô.

	Giao thông đường sắt	Giao thông đường ô tô
Ưu điểm		
Nhược điểm		

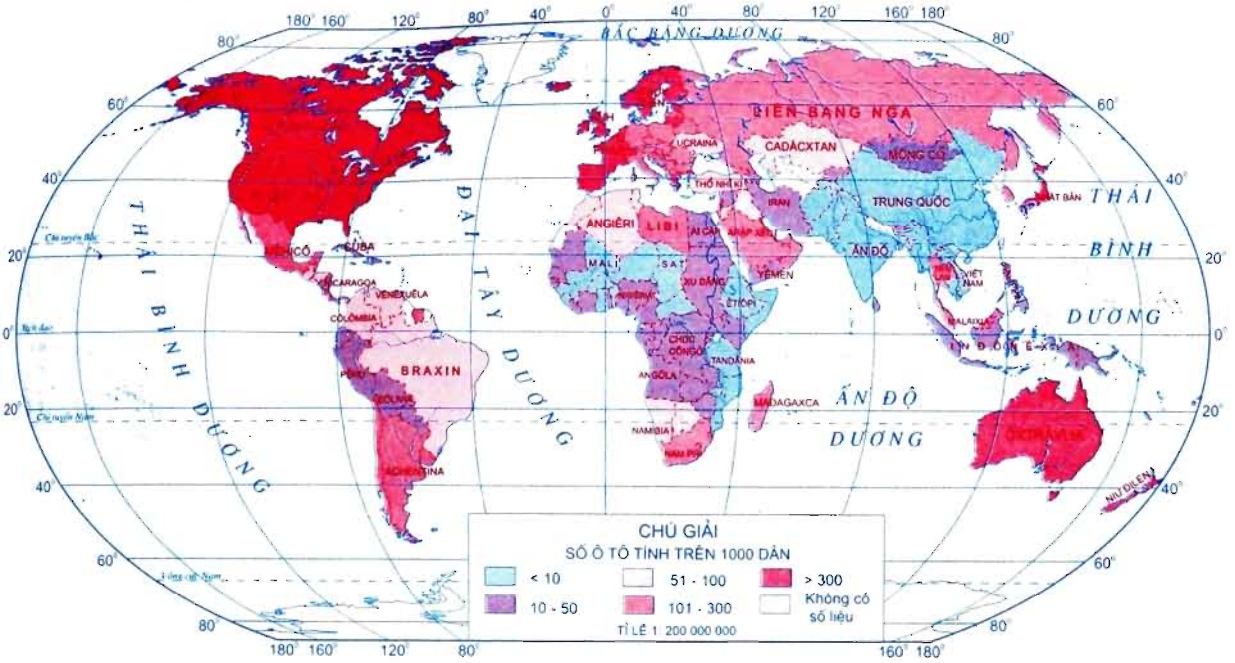
B. Giao thông đường biển và giao thông đường hàng không.

	Giao thông đường biển	Giao thông đường hàng không
Ưu điểm		
Nhược điểm		

2. Điền vào ô trống những nội dung phù hợp thể hiện rõ xu hướng đổi mới về sức kéo và đường ray trong vận tải đường sắt thế giới, sau khi đã nghiên cứu kỹ nội dung bài học trong SGK.

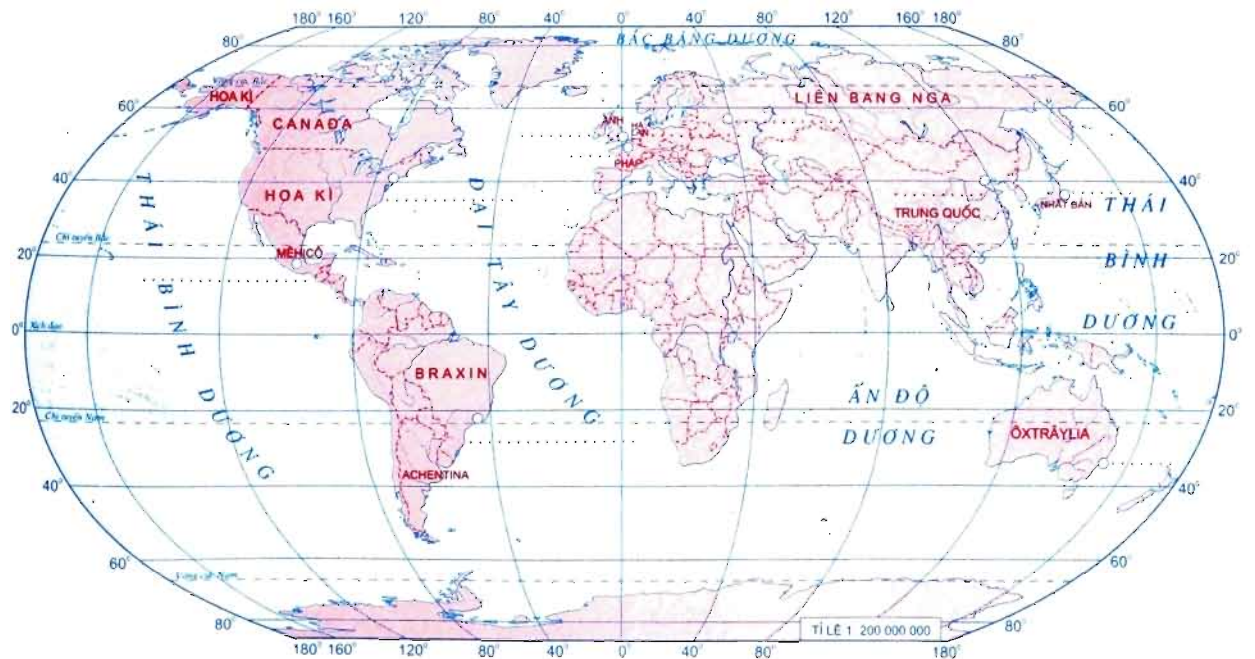


3. Hãy nhận xét về đặc điểm phân bố ngành vận tải ô tô trên thế giới sau khi quan sát lược đồ Số ô tô bình quân trên 1000 dân năm 2001.



Lược đồ Số ô tô bình quân trên 1000 dân năm 2001

4. Xác định và ghi vào trên lược đồ dưới đây những dấu mối giao thông quan trọng sau: Niu Ioooc, Mêhicô Xiti, Riô đê Gianêrô, Luân Đôn, Pari, Rôttecđam, Tôkiô, Bắc Kinh, Matxcova, Xitni.



THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO NGẮN VỀ KÊNH ĐÀO XUYÊ VÀ KÊNH ĐÀO PANAMA

(Bài 38 ban chuẩn; Bài 51 ban nâng cao)

Tuyến	Khoảng cách (hải lí)		Quãng đường rút ngắn	
	Qua Xuyê	Vòng châu Phi	Hải lí	%
Ôđetxa - Mumbai	4198	11818		
Mina al Ahmađi - Giênoa	4705	11069		
Mina al Ahmađi - Rôtteđam	5560	11932		
Mina al Ahmađi - Bantimo	8681	12039		
Balikpapan - Rôtteđam	9303	12081		

1. Dựa vào số liệu về khoảng cách quãng đường qua kênh Xuyê và vòng châu Phi trong bảng trên, hãy:

A. Tính quãng đường vận chuyển được rút ngắn: số hải lí và số % so với tuyến đường đi vòng châu Phi.

B. Nêu đặc điểm của kênh đào Xuyê và những lợi ích của nó đối với ngành hàng hải thế giới.

❖ Đặc điểm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❖ Lợi ích:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Dựa vào số liệu về khoảng cách quãng đường qua kênh Panama và vòng qua Nam Mỹ trong bảng dưới đây, em hãy:

Tuyến	Khoảng cách (hải lí)		Quãng đường rút ngắn	
	Qua Panama	Vòng qua Nam Mỹ	Hải lí	%
Niu Ioooc - Xan Phranxixcô	5263	13107		
Niu Ioooc - Vancuvơ	6050	13907		
Niu Ioooc - Vanparaixô	1627	8337		
Livơpun - Xan Phranxixcô	7930	13507		
Niu Ioooc - Iôcôhama	9700	13042		
Niu Ioooc - Xitni	9692	13051		
Niu Ioooc - Thượng Hải	10584	12321		
Niu Ioooc - Xingapo	8885	10141		

A. Tính quãng đường vận chuyển được rút ngắn: số hải lí và số % so với tuyến đường đi vòng qua Nam Mỹ.

B. Nêu đặc điểm của kênh Panama và những lợi ích của nó trong giao lưu kinh tế giữa vùng châu Á - Thái Bình Dương và Hoa Kỳ.

❖ Đặc điểm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❖ Lợi ích:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐỊA LÍ NGÀNH THÔNG TIN LIÊN LẠC

(Bài 39 ban chuẩn; Bài 52 ban nâng cao)

www.truongbachviet.com

1. Nêu rõ vai trò của ngành thông tin liên lạc:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

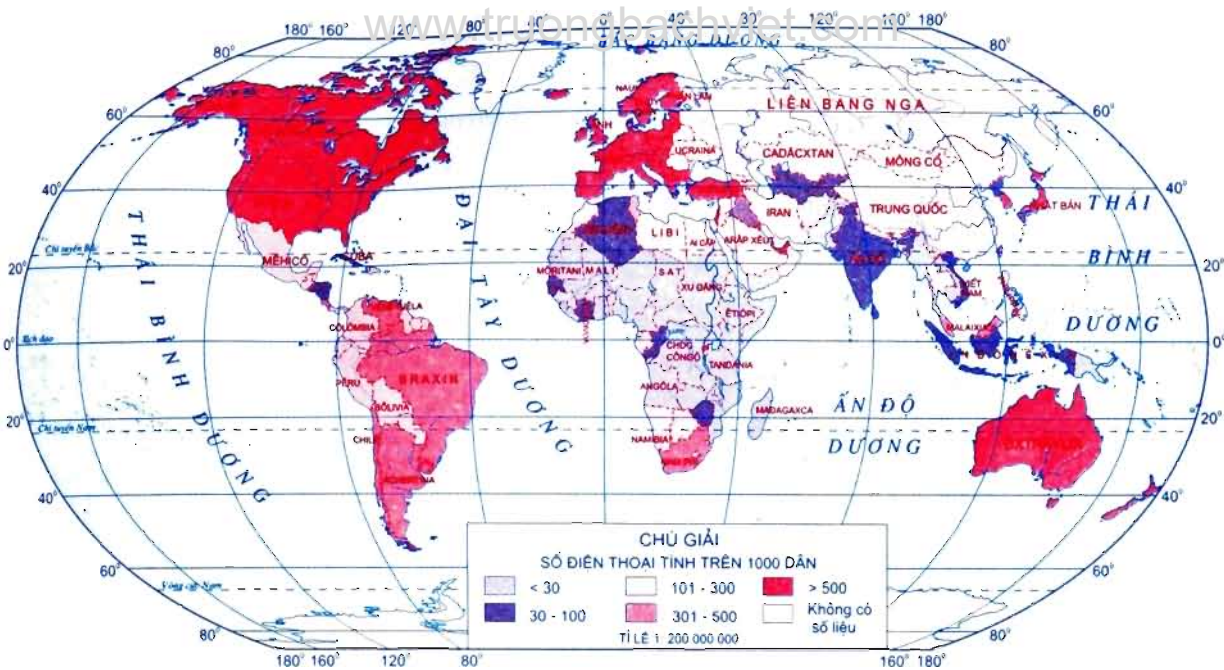
.....

.....

.....

2. Dựa vào nội dung bài học trong SGK, em hãy điền những nội dung phù hợp nêu rõ tình hình phát triển của ngành thông tin liên lạc vào bảng sau:

Tên ngành	Tình hình phát triển
Viễn thông
Điện thoại
Fax
Radiô và vô tuyến truyền hình
Máy tính cá nhân



Lược đồ Bình quân số máy điện thoại trên 1000 dân năm 2001

3. Em hãy quan sát lược đồ trên và phân tích đặc điểm bình quân số máy điện thoại trên 1000 dân của các nước trên thế giới

a. Những nước và khu vực có số máy điện thoại / 1000 dân cao nhất (>500):

.....

.....

b. Những nước và khu vực có số máy điện thoại / 1000 dân cao (từ 300 - 500):

.....

.....

c. Những nước và khu vực có số máy điện thoại / 1000 dân trung bình (từ 100 - 300):

.....

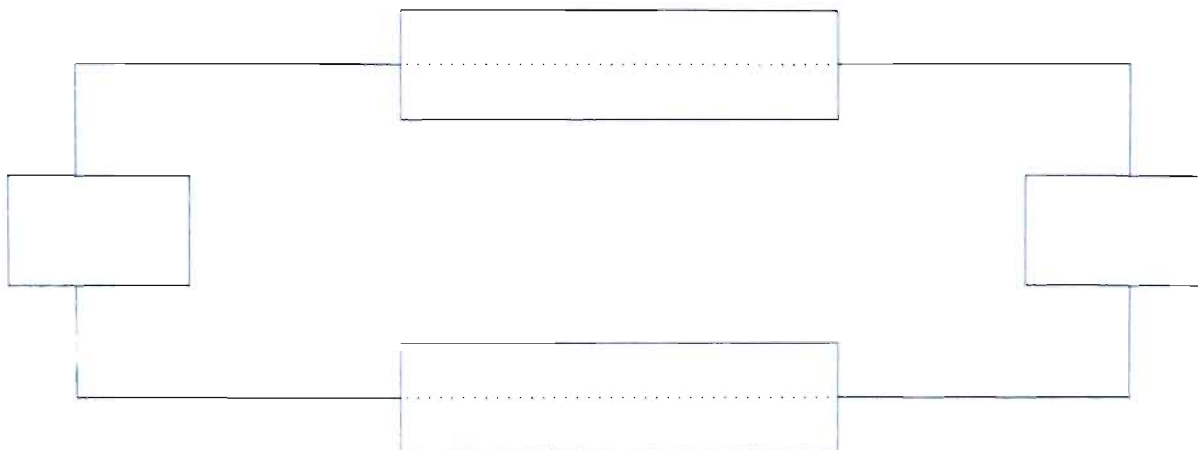
.....

d. Những nước và khu vực có số máy điện thoại / 1000 dân thấp (<100):

.....

.....

1. Hoàn thành sơ đồ về hoạt động của thị trường và nêu khái niệm đơn giản về thị trường:



❖ Khái niệm:

2. Thương mại là gì? Vai trò của thương mại đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

❖ Khái niệm:

❖ Vai trò:

3. Phân biệt cán cân xuất nhập khẩu và cơ cấu xuất nhập khẩu.

❖ Cán cân xuất nhập khẩu:

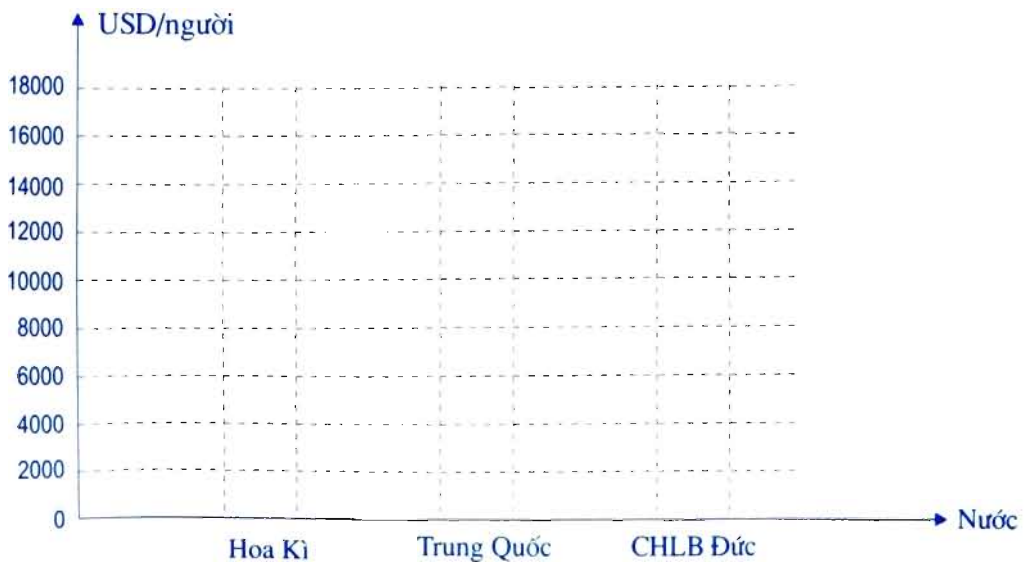
❖ Cơ cấu xuất nhập khẩu:

4. Dựa vào bảng số liệu sau về giá trị xuất khẩu và dân số năm 2008 của Hoa Kỳ, Trung Quốc và Cộng hòa Liên Bang Đức.

Tên nước	Giá trị xuất khẩu (tỉ USD)	Dân số (triệu người)	Giá trị xuất khẩu bình quân đầu người (USD/người)
Hoa Kỳ	1287,4	304,5	
Trung Quốc	1428,3	1324,7	
CHLB Đức	1461,9	82,2	

❖ Tính giá trị xuất khẩu bình quân đầu người của 3 nước.

❖ Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện giá trị xuất khẩu/người:



1. Nêu rõ đặc điểm của thị trường thế giới.

❖ Sự phát triển của thị trường.....

❖ Những cường quốc về xuất nhập khẩu và ngoại tệ mạnh trong hệ thống tiền tệ thế giới.....

❖ Cơ cấu hàng xuất khẩu trên thế giới.....

2. Dựa vào bảng số liệu sau:

Tỉ trọng của một số khu vực và một số nước trong xuất khẩu và nhập khẩu trên thế giới năm 2008 (đơn vị: %)

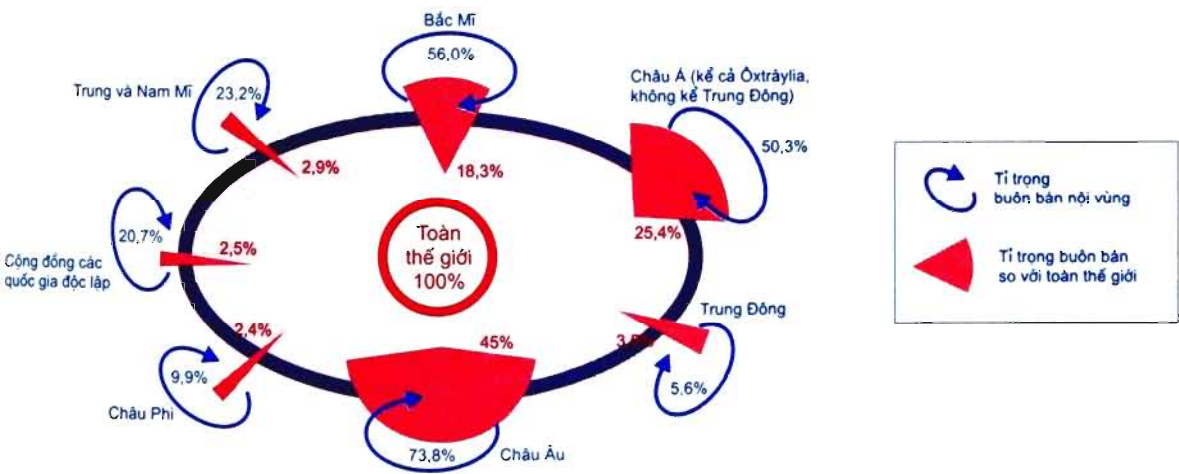
	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Toàn thế giới	100,0	100,0
Bắc Mĩ	13,0	18,1
Hoa Kì	8,0	13,2
Trung Mĩ và Nam Mĩ	3,8	3,7
Châu Âu	41,0	42,3
Liên minh châu Âu (27 nước)	26,2	37,9
Châu Phi	3,5	2,9
Trung Đông	6,5	3,6
Châu Á (kể cả Ôxtrâyliya, không kể Trung Đông)	25,0	26,4
Trung Quốc	8,9	6,9
Nhật Bản	4,9	4,6
ASEAN (10 nước)	6,2	5,7

❖ Nhận xét tỉ trọng của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản trong cơ cấu xuất nhập khẩu của thế giới.....

❖ Vai trò của Trung Quốc và các nước ASEAN trong thị trường xuất nhập khẩu thế giới.....

3. Dựa vào hình sau:

Tỉ trọng buôn bán hàng hoá giữa các vùng và bên trong vùng năm 2004



❖ Nêu rõ vai trò của thị trường Châu Âu trong buôn bán toàn thế giới.....

MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

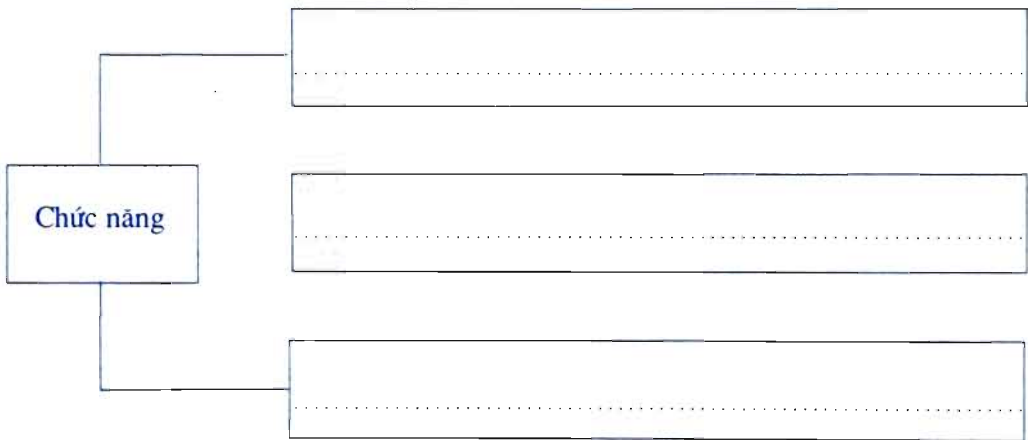
(Bài 41 ban chuẩn; Bài 50 ban nâng cao)

www.truongbachviet.com

1. Phân biệt môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo:

	Môi trường tự nhiên	Môi trường nhân tạo
Nguồn gốc phát sinh		
Thành phần		

2. Nêu rõ chức năng của môi trường và ghi vào sơ đồ sau:



3. Trình bày vai trò của môi trường đối với sự phát triển xã hội loài người:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

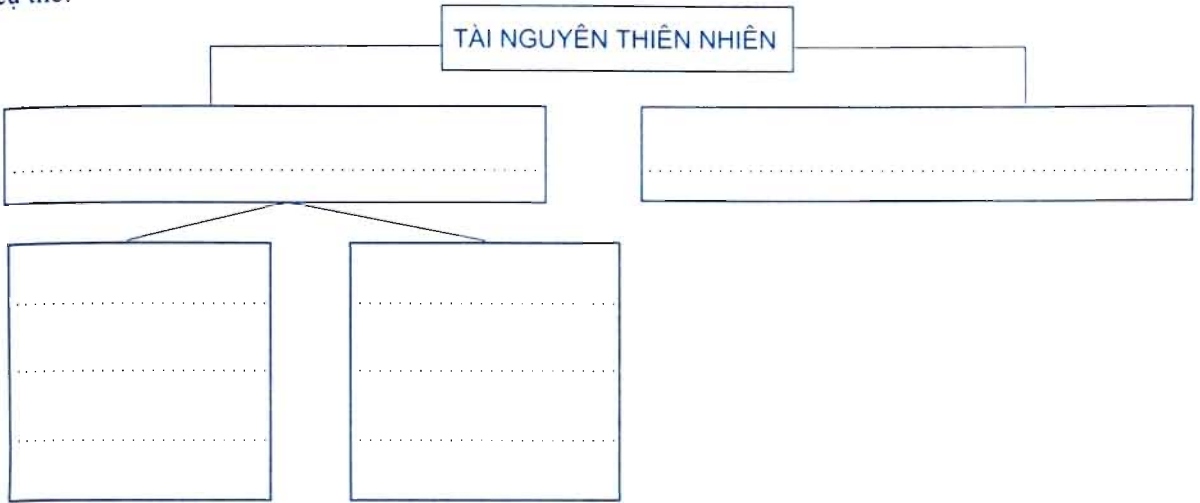
.....

.....

.....

.....

4. Lập sơ đồ phân loại tài nguyên theo khả năng hao kiệt trong quá trình sử dụng. Nêu ví dụ cụ thể:



5. Nêu những dấu hiệu của sự suy thoái tài nguyên đất và tài nguyên sinh vật nếu bị khai thác không hợp lý:

❖ Tài nguyên đất:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

❖ Tài nguyên sinh vật:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(Bài 42 ban chuẩn; Bài 57 ban nâng cao)

www.truongbachviet.com

1. Thế nào là sự phát triển bền vững:

.....

.....

.....

.....

.....

2. Vì sao phải sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường:

.....

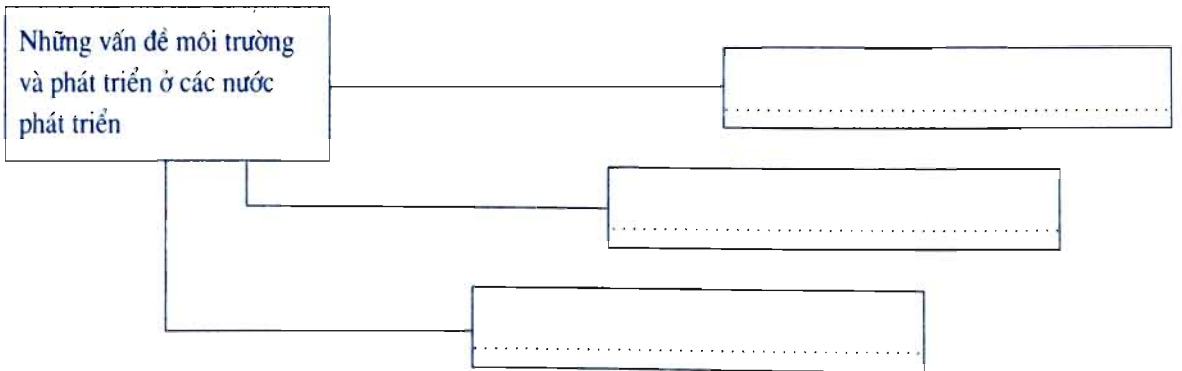
.....

.....

.....

.....

3. Nêu rõ vấn đề về môi trường và phát triển ở các nước phát triển bằng sơ đồ sau.



4. Trình bày vấn đề môi trường và phát triển ở các nước đang phát triển.

- ❖ Đặc điểm chung về dân số, tài nguyên:.....
-
-
-

❖ Vấn đề khai thác và chế biến khoáng sản:

❖ Vấn đề khai thác tài nguyên nông, lâm nghiệp:

5. Tại sao việc giải quyết vấn đề môi trường đòi hỏi sự nỗ lực chung của các quốc gia và toàn thể loài người?

MỤC LỤC

<i>Bài</i>	<i>Trang</i>	<i>Bài</i>	<i>Trang</i>
Các phép chiếu hình bản đồ cơ bản	3	Cơ cấu nền kinh tế	34
Một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	5	Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng tới phân bố nông nghiệp	36
Thực hành: Xác định một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ	7	Địa lí ngành trồng trọt	37
Vũ trụ. Hệ Mặt Trời và Trái Đất. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất	8	Địa lí ngành chăn nuôi	39
Hệ quả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất	9	Một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	41
Cấu trúc của Trái Đất. Thạch quyển. Thuyết kiến tạo mảng	11	Thực hành: Vẽ và phân tích về sản lượng lương thực, dân số của thế giới và một số quốc gia	42
Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	12	Thực hành: Sử dụng phương pháp Bản đồ - Biểu đồ để thể hiện sản lượng lương thực và cơ cấu sản lượng lương thực của một số nước trên thế giới	43
Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	13	Vai trò và đặc điểm của công nghiệp. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp	44
Thực hành: Nhận xét sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa và các vùng núi trẻ trên bản đồ	14	Địa lí các ngành công nghiệp	45
Khí quyển. Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất	15	Một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp	51
Sự phân bố khí áp. Một số loại gió chính	16	Thực hành: Vẽ biểu đồ tình hình sản xuất một số sản phẩm công nghiệp trên thế giới	52
Ngưng đọng hơi nước trong khí quyển. Mưa	17	Thực hành: Vẽ và phân tích biểu đồ cơ cấu sử dụng năng lượng của thế giới	53
Thực hành: Đọc bản đồ sự phân hoá các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất. Phân tích một số biểu đồ khí hậu	18	Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ	54
Thủy quyển. Một số nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông	19	Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển, phân bố ngành giao thông vận tải	56
Sóng. Thủy triều. Dòng biển	20	Địa lí các ngành giao thông vận tải	58
Thổ nhưỡng quyển. Các nhân tố hình thành thổ nhưỡng	21	Thực hành: Viết báo cáo ngắn về kênh đào Xuyê và kênh đào Panama	60
Sinh quyển. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật	22	Địa lí ngành thông tin liên lạc	62
Sự phân bố sinh vật trên Trái Đất	23	Địa lí ngành thương mại	64
Lớp vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí	24	Thị trường thế giới	66
Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới	25	Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	68
Dân số và sự gia tăng dân số	26	Môi trường và sự phát triển bền vững	70
Cơ cấu dân số	28		
Các chủng tộc, ngôn ngữ và tôn giáo	30		
Phân bố dân cư. Các loại hình quần cư và đô thị hoá	31		

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức và chịu trách nhiệm nội dung

Phó Tổng biên tập LÊ HỮU TỈNH
Giám đốc Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN

Biên tập lần đầu:

CAO VĂN DŨNG, LÊ NGUYỄN HỒNG HÀ,
LÊ HUY, NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG
TRỊNH MINH HÙNG, PHẠM THỊ YẾN

Biên tập tái bản:

CAO VĂN DŨNG, LÊ NGUYỄN HỒNG HÀ,
NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG
TRỊNH MINH HÙNG

Trình bày bìa:

NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG

Trình bày và sửa bản in:

CAO VĂN DŨNG, LÊ NGUYỄN HỒNG HÀ,
NGUYỄN THỊ GIÁNG HƯƠNG
TRỊNH MINH HÙNG

TẬP BẢN ĐỒ BÀI TẬP VÀ BÀI THỰC HÀNH ĐỊA LÍ 10

Mã số: ADC05b1-CPB

In 50.000 cuốn. (QĐ số: 455/QĐ-GD). Kích 19 x 27 cm.
In tại: Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội.
Số xuất bản : 7-2011/CXB/5-1987/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4 năm 2011.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Điện thoại: (04) 39711146 - 22425661; Fax: (04) 39718847
Website: www.bandotrananh.vn

www.truongbachviet.com



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM DỊCH VỤ LỚP 10

lời các thầy cô giáo và các em học sinh

❖ BẢN ĐỒ GIÁO KHOA

	Khuôn khổ (cm)
1. Bộ bản đồ giáo khoa treo tường môn Địa lí: 8 tờ	109 x 150
2. Bộ bản đồ giáo khoa treo tường môn Lịch sử: 9 tờ	72 x 102
3. Bộ bản đồ giáo khoa treo tường môn Ngoại ngữ: 3 tờ	109 x 79
4. Tập bản đồ Địa lí tự nhiên đại cương	21 x 29,7
5. Bản đồ và tranh ảnh lịch sử 10	21 x 29,7

❖ TRANH ẢNH GIÁO KHOA

1. Bộ tranh Hòa học (3 tờ)	102 x 72; 120 x 180
2. Bộ tranh Công nghệ (5 tờ)	54 x 79
3. Bộ tranh Sinh học (3 tờ)	72 x 102
4. Bộ tranh Ngữ văn (5 tờ)	54 x 79
5. Bộ tranh Lịch sử (5 tờ)	72 x 102
6. Bộ tranh Địa lí (3 tờ)	72 x 109
7. Bộ tranh Thể dục (2 tờ)	54 x 72
8. Bộ tranh Tin học (5 tờ)	72 x 102

Bạn đọc có thể mua sách, bản đồ, tranh ảnh tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Tại TP. Hà Nội : Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục, 45 Hàng Chuối - Hà Nội
Website: www.bandotrananh.vn
187 Giảng Võ; 232 Tây Sơn; 23 Tràng Tiền; 25 Hàn Thuyên, 32E Kim Mã
14/3 Nguyễn Khánh Toàn
- Tại TP. Đà Nẵng : 78 Pasteur ; 247 Hải Phòng.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1; 2A Đinh Tiên Hoàng, Quận 1
240 Trần Bình Trọng, Quận 5; 231 Nguyễn Văn Cừ, Quận 5.
- Tại Cần Thơ : Số 5/5 đường 30/4.
- Tại Website bán hàng trực tuyến: www.sach24.vn



8 934994 034906

Giá: 11 200 đồng